

CÔNG TY CỔ PHẦN LICOGI 16.6

**Tầng 4, Toà nhà văn phòng Công ty 34, ngõ 164 Khuất Duy Tiến,
Nhân Chính, Thanh Xuân, Hà Nội**

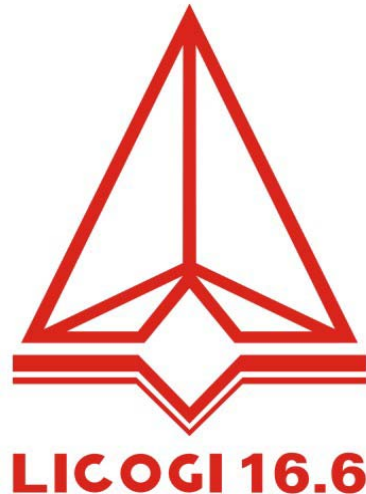
Điện thoại: 04 222 50718

Fax: 04 222 50716

Website: www.licogi166.vn

Email: info@licogi166.vn

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2011



Hà Nội, tháng 4 năm 2012

MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
TỔNG QUAN VỀ CÔNG TY CỔ PHẦN LICOGI 16.6	2
I Thông tin chung	2
II Những sự kiện quan trọng	3
III Quá trình phát triển	3
IV Tình hình hoạt động	4
V Định hướng phát triển	6
BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	8
I Những nét nổi bật trong năm 2011	8
II Những thay đổi chủ yếu trong năm 2011	11
III Triển vọng và kế hoạch trong tương lai	11
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	13
I Báo cáo tình hình tài chính	13
II Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh	14
III Những tiến bộ đã đạt được	15
IV Kế hoạch 2012 và các năm tiếp theo	16
BÁO CÁO TÀI CHÍNH	19
I Giải trình Báo cáo tài chính và Báo cáo kiểm toán	19
II Báo cáo tài chính đã được kiểm toán	21
CÁC CÔNG TY CÓ LIÊN QUAN	22
TỔ CHỨC NHÂN SỰ	23
I Cơ cấu tổ chức nhân sự	23
II Ban giám đốc	24
THÔNG TIN CỔ ĐÔNG	27
I Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát	27
II Dữ liệu thống kê về cổ đông	31

PHỤ TRƯỞNG BÁO CÁO TÀI CHÍNH

TỔNG QUAN VỀ CÔNG TY CỔ PHẦN LICO GI 16.6

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Thông tin chung về công ty

Tên công ty: CÔNG TY CỔ PHẦN LICO GI 16.6
Tên tiếng Anh: LICO GI 16.6 JOINT STOCK COMPANY
Tên viết tắt: LICO GI 16.6
Mã chứng khoán: LCS
Địa chỉ trụ sở chính: Tầng 4, Toà nhà văn phòng công ty 34, ngõ 164 Khuất Duy Tiến, phường Nhân Chính, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội
Điện thoại: 04. 222 50718 Fax: 04. 222 50716
Website: www.licogi166.vn Email: info@licogi166.vn
Mã số doanh nghiệp: 0102264629 do Sở Kế hoạch & Đầu tư thành phố Hà Nội cấp đổi lần thứ 7 ngày 19 tháng 7 năm 2011
Vốn điều lệ 60.000.000.000 đồng (Sáu mươi tỷ đồng chẵn)
Số tài khoản: 2111 0000 189225 Ngân Hàng ĐT & PT, Chi nhánh Hà Nội

Logo Công ty:



2. Phạm vi lĩnh vực hoạt động của Công ty

Theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 0102264629 ngày 19/07/2011 (thay đổi lần thứ bảy), Công ty đăng ký hoạt động trong các lĩnh vực:

- Đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu đô thị và kinh doanh bất động sản;
- Kinh doanh điện, nước, khí nén;
- Vận tải hàng hóa;
- Đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu công nghiệp, các dự án thủy điện vừa và nhỏ (Trừ kinh doanh bất động sản).
- Các hoạt động dịch vụ: Cho thuê thiết bị, cung cấp vật tư kỹ thuật, tư vấn đầu tư (Không bao gồm tư vấn pháp luật, tài chính), dịch vụ sửa chữa, lắp đặt máy móc thiết bị các sản phẩm cơ khí và kết cấu địa hình khác.
- Sản xuất kinh doanh vật tư, thiết bị, phụ tùng và các loại vật liệu xây dựng.

- Gia công chế tạo kết cấu thép và các sản phẩm cơ khí.
- Thi công xây dựng các công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi, thủy điện, sân bay, bến cảng, các công trình điện, thông tin liên lạc, các công trình cấp thoát nước và vệ sinh môi trường, các công trình phòng cháy, chữa cháy, thiết bị bảo vệ, các công trình thông gió cấp nhiệt, điều hòa không khí, các công trình hạ tầng kỹ thuật đô thị và khu công nghiệp, nền móng công trình.

II. NHỮNG SỰ KIỆN QUAN TRỌNG

- Ngày 18/5/2007, Công ty cổ phần LICO GI 16.6 được chính thức thành lập với số vốn điều lệ là 20 tỷ đồng. Trụ sở chính của Công ty đăng ký trụ sở tại Ô số 1, Lô 4, Đền Lừ 1, phường Hoàng Văn Thụ, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội.
- Tháng 9/2009, Công ty chuyển trụ sở về địa chỉ mới tại tầng 4, Tòa nhà văn phòng Công ty 34, ngõ 164, Khuất Duy Tiến, Thanh Xuân, Hà Nội.
- Tháng 9/2009, Công ty thực hiện việc tăng vốn điều lệ từ 20 tỷ đồng lên 25 tỷ đồng.
- Tháng 7/2010, Công ty thực hiện việc tăng vốn điều lệ từ 25 tỷ đồng lên 41 tỷ đồng.
- Ngày 06/7/2010, Công ty đã chính thức niêm yết cổ phiếu của mình tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội với mã chứng khoán LCS.
- Tháng 7/2011, Công ty thực hiện việc tăng vốn điều lệ từ 41 tỷ đồng lên 60 tỷ đồng.

III. QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN

Được thành lập bởi Công ty cổ phần LICO GI 16 và một số tổ chức cá nhân có uy tín và năng lực trong lĩnh vực xây dựng, sản xuất kinh doanh vật liệu xây dựng, đầu tư kinh doanh bất động sản, LICO GI 16.6 được kế thừa nền tảng kiến thức, kinh nghiệm quý giá của LICO GI 16 trong công tác tổ chức và quản lý thi công, trong lĩnh vực đầu tư và quản lý dự án kinh doanh bất động sản, sản xuất vật liệu xây dựng. Đó thực sự là tiền đề vững chắc trong quá trình xây dựng phát triển bền vững Công ty.

Tiến tới mục tiêu đa dạng hoá ngành nghề hoạt động, LICO GI 16.6 đã tham gia đầu tư góp vốn thành lập Công ty cổ phần Sông Đà Cao Cường để sản xuất tro bay mang thương hiệu “Tro bay Phả Lại” - một loại vật liệu mới thân thiện với môi trường. Sản phẩm “Tro bay Phả Lại” đã được sử dụng để thi công Nhà máy thủy điện Sơn La, Công trình thủy điện Bản Chát, và một số công trình đập khác. Cũng từ nguồn tro

bay này, Sông Đà Cao Cường đã đầu tư xây dựng Nhà máy sản xuất gạch bê tông khí chưng áp (gạch AAC) để cung cấp gạch xây cho thị trường.

Ngoài ra, Công ty còn chú trọng mở rộng hoạt động sang lĩnh vực đầu tư và kinh doanh bất động sản - một lĩnh vực tiềm năng mang lại hiệu quả cao. Hiện LICOGI 16.6 đã và đang hợp tác Công ty cổ phần LICOGI 16 trong việc đầu tư Dự án Toà nhà Đa năng LICOGI 16 tại đường Tôn Thất Thuyết, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

IV. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG

1. Hoạt động thi công xây lắp

Trong hoạt động thi công xây lắp, LICOGI 16.6 tập trung chiều sâu vào lĩnh vực thi công thủy điện, thi công cơ điện, thi công hạ tầng khu đô thị và khu công nghiệp. Trong những năm qua, Công ty đã thành công trong việc khẳng định thương hiệu LICOGI 16.6 là một trong những thương hiệu hàng đầu trong lĩnh vực này. Chính bởi vậy, LICOGI 16.6 đã được các chủ đầu tư tin tưởng và giao trọng trách thi công các công trình lớn, các công trình đòi hỏi trình độ kỹ thuật phức tạp, cũng như có ảnh hưởng lớn tới sự phát triển chung của nền kinh tế đất nước.

Trong năm 2011, doanh thu thực hiện trong lĩnh vực này của Công ty đạt giá trị trên 820 tỷ đồng, đạt được 100% kế hoạch đã đề ra.

Các công trình tiêu biểu mà công ty đã và đang triển khai thi công:

- Đập chính công trình thủy điện Bản Chát, xã Mường Kim, huyện Than Uyên, tỉnh Lai Châu do Tập đoàn điện lực làm Chủ đầu tư bằng công nghệ bê tông đầm lăn với giá trị lên tới gần 2.000 tỷ đồng.
- Công trình hạ tầng khu đô thị Long Tân – Nhơn Trạch – Đồng Nai;
- Hệ thống điện điều khiển, điện chiếu sáng, hệ thống điều hoà không khí Toà nhà văn phòng Công ty cổ phần LICOGI 16;
- Công trình hạ tầng kỹ thuật khu công nghiệp luyện kim Nghi Sơn – Thanh Hóa;
- Hệ thống đường dây 35KV và trạm biến áp 35/0,4KV tại Công trình thủy điện Bản Chát – Lai Châu;
- Hệ thống điện động lực và chiếu sáng Công trình đài truyền hình Việt Nam (VTV);
- Hệ thống điện hạ thế tại các xã Phạm Ngũ Lão, xã Chính Nghĩa, xã Tân Việt, xã Tân Tiến thuộc dự án năng lượng nông thôn II tỉnh Hưng Yên;
- Tháp điều áp Công trình thủy điện Mường Kim; thủy điện Sùng Vui; thủy điện Nậm Khánh;

- Hệ thống điều hoà không khí Trung tâm thương mại Bắc Sơn, tỉnh Lạng Sơn; Hệ thống điều hoà không khí rạp hát Công Nhân, Hà Nội;
- Và một rất nhiều công trình lớn nhỏ khác.

2 Hoạt động kinh doanh

Kinh doanh tro bay

Với vai trò là đơn vị độc quyền phân phối sản phẩm tro bay của Sông Đà Cao Cường, thời gian vừa qua Công ty là đơn vị duy nhất cung cấp toàn bộ tro bay cho Dự án thủy điện Bản Chát với tổng khối lượng ước tính khoảng 260.000 tấn, tổng giá trị doanh thu ước tính trên 300 tỷ đồng. Việc cung cấp tro bay cho công trường vừa giúp công ty chủ động trong hoạt động thi công, vừa mang lại giá trị doanh thu và lợi nhuận rất đáng kể cho Công ty.

Tính riêng trong năm 2011, Công ty đã cung cấp trên 124 ngàn tấn tro bay cho công trường này, đạt giá trị doanh thu gần 146 tỷ đồng.

Kinh doanh điện nước

Ngoài việc là đơn vị duy nhất cung cấp tro bay, công ty còn là đơn vị cung cấp điện nước thi công tại công trình thủy điện Bản Chát, đối tượng phục vụ của Công ty là các đơn vị thi công trên công trường. Để thực hiện việc kinh doanh này, Công ty đã đảm nhận thi công và tổ chức quản lý các hạng mục: Trạm bơm, bể chứa nước và hệ thống cấp nước, trạm biến áp 35KV, hệ thống đường dây . . . để cấp cho tất cả các đơn vị thi công trên công trường.

Hoạt động kinh doanh điện nước đem lại doanh thu ổn định hàng năm cho Công ty. Giá trị kinh doanh điện nước thi công của Công ty tại công trình thủy điện Bản Chát đạt doanh thu 11,264 tỷ đồng.

Kinh doanh khác

Ngoài việc là đơn vị độc quyền phân phối tro bay, Công ty đã và đang chuẩn bị các điều kiện cần thiết nhằm phân phối gạch nhẹ chung áp mang nhãn hiệu SCL – Block của Sông Đà Cao Cường ra thị trường. Chi tiết bằng việc Công ty đã thiết lập được một hệ thống kênh phân phối, một hệ thống đại lý kinh doanh vật liệu xây dựng rải đều và rộng khắp địa bàn các quận huyện khu vực Hà Nội. Ngoài việc phân phối gạch nhẹ SCL – Block, bằng hệ thống này Công ty có thể kinh doanh hoặc phân phối những sản phẩm vật liệu khác nếu Công ty có khả năng và thị trường có nhu cầu.

3. Hoạt động Đầu tư và kinh doanh bất động sản

Với định hướng đa dạng hoá ngành nghề hoạt động, hướng tới các lĩnh vực kinh doanh mang lại hiệu quả kinh tế cao, Công ty đã và đang tích cực tìm kiếm đối tác,

tìm kiếm dự án nhằm triển khai thực hiện định hướng hoạt động đầu tư và kinh doanh bất động sản.

Hiện Công ty đang hợp tác với Công ty cổ phần LICO GI 16 (*Công ty mẹ*) đầu tư dự án Dự án Toà nhà đa năng LICO GI 16 (Sky Park Residence) tại đường Tôn Thất Thuyết, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội như sau:

Tổng mức đầu tư dự kiến: 1.000 tỷ đồng

Diện tích: 9.300 m²

Chủ đầu tư: Công ty cổ phần LICO GI 16

Thời gian khởi công: Dự kiến Quý 2/2012.

Tỷ lệ vốn góp của LICO GI 16.6: 10 % tổng mức đầu tư

Ngoài vai trò là nhà đầu tư thứ phát góp vốn để đầu tư xây dựng dự án, công ty còn đảm nhận thực hiện các hạng mục liên quan tới phần bê tông và cơ điện như: thi công phần bê tông lõi thang máy bằng biện pháp cốp pha trượt, thi công hệ thống điện nước, hệ thống điều hòa, hệ thống thu sét, hệ thống phòng cháy, chữa cháy, thông tin liên lạc....

V. ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN CÔNG TY

Để xây dựng công ty trở thành một tổ chức lớn mạnh và bền vững, có vị thế và có uy tín trong lĩnh vực mà công ty tham gia, Hội đồng quản trị và Ban lãnh đạo đã thống nhất định hướng phát triển hoạt động của công ty vào ba lĩnh vực chính: Lĩnh vực xây lắp (*trọng tâm là xây lắp cơ điện, xây lắp công trình thủy điện, thi công hạ tầng khu đô thị và khu công nghiệp*), lĩnh vực đầu tư và kinh doanh bất động sản, lĩnh vực sản xuất và kinh doanh vật liệu xây dựng thân thiện với môi trường.

Trước mắt, lấy hoạt động thi công xây lắp làm nền tảng để duy trì và ổn định sự phát triển của Công ty, bên cạnh đó tích cực tìm kiếm cơ hội để khai thác và sử dụng hiệu quả các nguồn lực nhằm mở rộng hoạt động sang lĩnh vực sản xuất và kinh doanh vật liệu xây dựng, cũng như lĩnh vực đầu tư và kinh doanh bất động sản – đây là các lĩnh vực mà công ty có thế mạnh, đồng thời cũng là các lĩnh vực mang lại hiệu quả kinh tế cao, mang lại cơ hội phát triển ổn định và bền vững công ty trong những năm tiếp theo.

1. Tầm nhìn

LICO GI 16.6 phấn đấu trở thành một thương hiệu lớn mạnh, có uy tín và vị thế hàng đầu trong các lĩnh vực thi công xây dựng thủy điện, thi công xây lắp cơ điện; sản xuất và kinh doanh vật liệu xây dựng thân thiện với môi trường, tích lũy các điều kiện cần thiết để trở thành một đơn vị đầu tư và kinh doanh bất động sản chuyên nghiệp.

2. Sứ mệnh

Công ty cổ phần LICO GI 16.6 không ngừng nỗ lực và sáng tạo trong lao động sản xuất, nâng cao chất lượng sản phẩm và dịch vụ, hướng tới sự hài lòng của khách hàng.

Xây dựng và giữ gìn môi trường làm việc thân thiện, năng động, chuyên nghiệp và minh bạch, dựa trên tinh thần đoàn kết, sáng tạo và trách nhiệm, tạo dựng sức mạnh tập thể, mang lại lợi ích cho cán bộ công nhân viên và cho các cổ đông và toàn xã hội.

3. Định hướng và chiến lược phát triển

Phát triển hoạt động của công ty vào các lĩnh vực chính gồm: Lĩnh vực xây lắp (trọng tâm là xây lắp cơ điện, xây lắp công trình thủy điện, thi công hạ tầng khu đô thị và khu công nghiệp, đường xá . . .), lĩnh vực sản xuất và kinh doanh vật liệu xây dựng thân thiện với môi trường; Đầu tư và kinh doanh bất động sản.

- Lấy thi công xây lắp làm bàn đạp, làm nền tảng nhằm duy trì và ổn định hoạt động của Công ty;
- Tìm kiếm đối tác, mở rộng và phát triển các ngành nghề, các lĩnh vực mà công ty có thế mạnh, khai thác và sử dụng hiệu quả các nguồn lực, phát huy tối đa mọi khả năng để nâng cao hiệu quả hoạt động trong sản xuất kinh doanh của Công ty;
- Đẩy mạnh hoạt động trong lĩnh vực sản xuất và kinh doanh vật liệu xây dựng, đặc biệt là vật liệu xây dựng thân thiện với môi trường;
- Hướng tới mục tiêu phát triển bền vững, tạo môi trường làm việc thân thiện. năng động và sáng tạo, tạo điều kiện tốt nhất để phát triển năng lực cá nhân và tạo dựng sức mạnh tập thể để mang lại lợi ích cao nhất cho doanh nghiệp, cho các cổ đông và cho các thành viên trong công ty.

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

I. NHỮNG NÉT NỔI BẬT TRONG NĂM 2011

1. Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

Năm 2011 nền kinh tế Việt Nam gặp nhiều khó khăn và bất lợi, tỷ lệ lạm phát tăng cao, giá cả các mặt hàng thiết yếu như điện, than, xăng dầu . . . biến động mạnh đã kéo theo sự tăng giá của tất cả các loại hàng hoá trên thị trường, đặc biệt là giá hàng hoá trong lĩnh vực xây dựng như xi măng, sắt thép . . . Ngoài ra do Chính phủ thực hiện chính sách thắt chặt tiền tệ, kiểm soát tín dụng . . ., bởi vậy lãi xuất huy động và lãi xuất vay vốn tại các ngân hàng thương mại tăng cao, có thời điểm lãi xuất vay vốn lên tới 25 %/năm.

Mặt khác do điều kiện thi công tại công trình thuỷ điện Bản Chát (*công trình trọng điểm*) diễn biến phức tạp, thời tiết mưa nhiều làm chi phí xử lý bề mặt tăng cao, nhưng công ty vẫn phải đẩy nhanh tiến độ thi công trên công trường này để đảm bảo kế hoạch phát điện của công trình.

Tuy nhiên, bằng sự kiên định trong việc thực hiện các mục tiêu kế hoạch, cùng với sự chỉ đạo sát sao, linh hoạt với tinh thần trách nhiệm cao của Hội đồng quản trị, sự quyết tâm nỗ lực của tập thể cán bộ công nhân viên, cùng với đó là việc công trình thuỷ điện Bản Chát và một số công trình khác mà công ty triển khai thi công được ưu tiên tập trung nguồn vốn, bởi vậy năm 2011 vừa qua Công ty đã đạt được những thành quả đáng khích lệ như sau:

- Doanh thu thuần: 977.735.945.664 đồng; đạt 100% so với KH, Tăng 120% so với năm 2010
- Lợi nhuận trước thuế: 24.886.392.789 đồng; đạt 100% so với KH, Tăng 73% so với năm 2010
- Lợi nhuận sau thuế: 20.083.201.211 đồng, đạt 110,7% so với KH , Tăng 61% so với năm 2010
- Phân phối lợi nhuận và chia cổ tức năm 2011
 - + Lợi nhuận sau thuế: 20.083.201.211 đồng
 - + Chi trả thù lao HĐQT và BKS năm 2011: 300.000.000 đồng
 - + Trích lập các quỹ 3.986.640.242 đồng
 - + Lợi nhuận sau khi trích quỹ 15.946.560.969 đồng
 - + Chia cổ tức năm 2011 với tỷ lệ 20% 12.000.000.000 đồng
 - + Hình thức chi trả cổ tức: Tiền mặt

- + Thời điểm chi trả cổ tức: Tháng 6/2012
- + Lợi nhuận còn lại chuyển sang năm 2012: 3.946.560.969 đồng
- Thu nhập bình quân đầu người: Đạt mức bình quân 5 triệu đồng/người/tháng, tương ứng với mức thu nhập 60 triệu đồng/người/năm.

Nhìn chung trong năm 2011, Công ty đã hoàn thành xuất sắc các mục tiêu kinh tế kế hoạch đề ra, hầu hết các chỉ tiêu về sản xuất kinh doanh, về kinh tế tài chính đều có mức tăng trưởng vượt bậc so với cùng kỳ năm trước.

2. Các mốc công việc quan trọng trong hoạt động thi công xây lắp

- Với việc tập trung tối đa nguồn lực, tổ chức thi công liên tục không quản ngày đêm, công ty đã thực hiện hoàn thành khối bê tông RCC thứ một triệu vào tháng 4/2011. Nhân sự kiện trọng đại này, Công ty đã vinh dự được đón Thủ tướng Chính Phủ Nguyễn Tấn Dũng tới thăm và làm việc tại công trường;
- Công ty đã hoàn thành mục tiêu chống lũ năm 2011 tại cao trình 418.5 vào ngày 5/6/2011; Hoàn thành và bàn giao mặt hạng mục đập tràn ngày 30/9/2011;
- Ngoài ra, công ty đã thực hiện hoàn thành và bàn giao đưa vào sử dụng một số gói thầu thuộc các công trình như: Các gói thầu thuộc Dự án REE II Phú Thọ; Công trình Trung tâm thương mại Bắc Sơn, công trình Rạp Công Nhân Hà Nội, Tháp điều áp công trình thủy điện Sùng Vui; Tháp điều áp công trình thủy điện Nậm Khánh; Tháp điều áp công trình thủy điện Ngòi San 2;
- Những dự án mà công ty đảm nhận luôn đảm bảo yêu cầu về chất lượng, tiến độ, được các chủ đầu tư đánh giá cao về tính chuyên nghiệp trong công tác tổ chức thi công.

3. Các thành quả trong hoạt động kinh doanh và đầu tư

Năm 2011, Công ty đã cơ bản hoàn thành việc đầu tư mua sắm máy móc trang thiết bị, đảm bảo đủ năng lực để thi công bê tông RCC tại công trình thủy điện Bản Chát, cũng như thi công tại một số công trình khác.

Cũng trong năm 2011, Công ty đã ký hợp đồng với LICOGI 16 về việc hợp tác đầu tư Dự án Toà nhà đa năng LICOGI 16, đồng thời bước đầu có những khởi động trong việc tham gia góp vốn đầu tư vào lĩnh vực bất động sản theo đúng định hướng của công ty.

Ngoài ra công ty cũng đang nghiên cứu nhằm đầu tư vào lĩnh vực sản xuất và kinh doanh vật liệu xây dựng - một lĩnh vực rất tiềm năng mang lại sự phát triển bền vững cho công ty trong tương lai.

4. Trong công tác tổ chức nhân sự.

Năm 2011 vừa qua, Công ty đã thực hiện thành công việc thu hút và xây dựng lực lượng lao động - một tiền đề quan trọng trong việc phát triển bền vững công ty.

Tại công trình thủy điện Bản Chát, Công ty đã tổ chức được đội ngũ gồm gần 400 CBCNV được đào tạo bài bản, làm chủ công nghệ, làm chủ thiết bị, thi công mang tính chuyên nghiệp với chất lượng và trình độ kỹ thuật cao, được chủ đầu tư và đơn vị tư vấn đánh giá là lực lượng thi công RCC chuyên nghiệp. Lực lượng lao động này đã được công ty huấn luyện kỹ lưỡng về chuyên môn nghiệp vụ, cũng như công tác an toàn vệ sinh lao động trong quá trình làm việc tại công trường. Ngoài ra, công ty cũng xây dựng được đội ngũ cán bộ kỹ thuật có năng lực và có trình độ, hoàn toàn làm chủ được kỹ thuật thi công, làm tốt công tác thanh toán thu hồi vốn, từ đó góp phần nâng cao năng suất lao động, nâng cao hiệu quả kinh doanh của công ty tại công trình này.

Cũng trong năm 2011, công ty đã rất chú trọng thực hiện công tác đào tạo nguồn nhân lực, thường xuyên tổ chức các khoá học, các khoá huấn luyện nhằm nâng cao kiến thức và kỹ năng làm việc cho cán bộ công nhân viên. Từ Ban Giám đốc công ty, trưởng phó các phòng ban, và nhân viên khối văn phòng đều được cử tham gia các khoá đào tạo, các khoá huấn luyện nhằm nâng cao kỹ năng quản lý, kỹ năng làm việc, kỹ năng giao tiếp để thực hiện công việc.

Nhằm nâng cao tinh thần trách nhiệm, nâng cao chất lượng và hiệu quả công việc của CBCNV, công ty đã tổ chức các cuộc thi chuyên đề, các phong trào thi đua lao động, bình xét và khen thưởng danh hiệu tập thể xuất sắc, cá nhân tiêu biểu đã có thành tích xuất sắc trong công tác năm 2011.

5. Trong công tác quan hệ nhà đầu tư

Năm 2011, Công ty đã tổ chức phát hành cổ phiếu ra công chúng nhằm tăng vốn điều lệ lên 60 tỷ đồng nhằm đảm bảo nguồn vốn hoạt động. Trong đợt phát hành này, Công ty cổ phần LICOGI 16 đã mua 1.898.953 CP, nâng tỷ lệ sở hữu của LICOGI 16 tại công ty lên tỷ lệ 56,65%.

Bên cạnh việc tập trung phát triển hoạt động sản xuất kinh doanh, công ty cũng thực hiện tốt công tác quan hệ với nhà đầu tư và quan hệ công chúng, mọi thông tin liên quan tới hoạt động sản xuất kinh doanh, tới tình hình tài chính . . . đều được công bố với cơ quan chức năng, và đăng công khai trên trang điện tử của công ty cũng như trên các phương tiện thông tin đại chúng (báo chí, truyền hình)

Ngoài ra, công ty còn liên kết với công ty chứng khoán FPT để thực hiện việc công bố thông tin trên mục EzSearch của FPTS nhằm cung cấp đầy đủ các thông tin về hoạt động của công ty cho cổ đông và nhà đầu tư.

Trong năm 2011 vừa qua, công ty đã đón tiếp nhiều lượt nhà đầu tư là các cá nhân, các tổ chức, các ngân hàng, các quỹ đầu tư và các công ty chứng khoán . . . tới tìm hiểu cơ hội đầu tư tại công ty. Tính tới thời điểm 05/3/2012, công ty có tổng cộng 530 cổ đông, trong đó hơn 10 cổ đông là các tổ chức, các quỹ đầu tư và các công ty chứng khoán.

II. NHỮNG THAY ĐỔI CHỦ YẾU TRONG NĂM 2011

- Quản lý các hoạt động của Công ty bằng điều lệ mới được sửa đổi bổ sung theo điều lệ mẫu áp dụng cho các công ty niêm yết trên thị trường chứng khoán.
- Thực hiện quản trị công ty, cơ cấu thông tin đại chúng bằng quy chế quản trị công ty, quy trình công bố thông tin, các quy chế quản lý nội bộ khác.
- Thay đổi vốn điều lệ của Công ty từ 41 tỷ đồng lên 60 tỷ đồng.
- Niêm yết bổ sung cổ phiếu trên Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội;
- Điều chỉnh qui chế trả lương, thưởng theo hướng thu nhập của người lao động gắn liền với hiệu quả sản xuất kinh doanh, trên nguyên tắc công bằng, thực hiện nghiêm túc quy chế dân chủ cơ sở, thoả ước lao động tập thể, nội quy lao động trong Công ty.

III. TRIỂN VỌNG VÀ KẾ HOẠCH TRONG TƯƠNG LAI

Nhằm xây dựng công ty trở thành một tổ chức lớn mạnh và bền vững, có vị thế và có uy tín trong lĩnh vực mà công ty tham gia, Hội đồng quản trị và Ban lãnh đạo đã thống nhất định hướng phát triển hoạt động của công ty vào các lĩnh vực chính gồm: Lĩnh vực thi công xây lắp, lĩnh vực sản xuất và kinh doanh vật liệu xây dựng thân thiện với môi trường; Đầu tư và kinh doanh bất động sản

Với định hướng phát triển như trên, Hội đồng quản trị đã thống nhất xác định các trọng tâm hoạt động của Công ty năm 2012 như sau:

1. Về lĩnh vực thi công xây lắp

Tập trung chỉ đạo sản xuất để triển khai tốt, đảm bảo tiến độ thi công các công trình chuyển tiếp từ năm 2011 và các công trình mà công ty mới trúng thầu, như:

- Tập trung thi công hoàn thành hạng mục đập dâng bằng bê tông RCC tại Công trình thủy điện Bản Chát vào ngày 31/5/2012;
- Hoàn thành để bàn giao đưa vào sử dụng các gói thầu tại Dự án năng lượng nông thôn 2 tỉnh Hưng Yên vào ngày 30/6/2012;
- Tập trung thực hiện các công việc cần thiết để khởi công gói thầu xây lắp điện thuộc Dự án năng lượng nông thôn 2 tỉnh Thái Nguyên vào cuối tháng 3/2012, đồng thời phấn đấu hoàn thành gói thầu này vào cuối tháng 9/2012

- Phân đấu thi công hoàn thành và bàn giao đưa vào sử dụng hệ thống ME tại công trình Viện Sốt rét vào tháng 6/2012;
- Tập trung thực hiện các công việc cần thiết để khởi công gói thầu san nền Nhà máy giấy Nghi Sơn vào tháng 3/2012, đồng thời phân đấu hoàn thành gói thầu này vào cuối tháng 12/2012
- Phân đấu thi công hoàn thành gói thầu đào đắp tại công trình Núi Pháo, Thái Nguyên vào tháng 6/2012
- Và một số công trình cũng như một số hợp đồng thi công xây lắp khác.

2. Về lĩnh vực kinh doanh thương mại

- Tổ chức và thực hiện công tác phân phối tro bay một cách ổn định và kịp thời, đảm bảo cung cấp đủ lượng tro bay phục vụ sản xuất bê tông RCC cho công trình thủy điện Bản Chát;
- Thực hiện tốt công tác quản lý, vận hành và kinh doanh điện nước cho các đơn vị thi công tại Công trình thủy điện Bản Chát;
- Nghiên cứu thị trường, tổ chức bộ máy để chuẩn bị công tác phân phối sản phẩm gạch nhẹ chưng áp, sản phẩm tro bay.
- Bám sát việc góp vốn cùng Công ty cổ phần LICOGI 16 để thực hiện đầu tư đầu tư dự án Nhà ở và văn phòng cho thuê tại quận Cầu Giấy, Hà Nội;
- Hợp tác với Công ty cổ phần Sông Đà Cao Cường trong việc sản xuất và kinh doanh Tro bay Phả Lại, gạch nhẹ chưng áp, vữa công nghiệp . . .
- Và một số hoạt động kinh doanh khác;

Trong thời gian tới, Công ty sẽ chủ động tìm kiếm và tham gia các dự án đầu tư dự án văn phòng cho thuê và nhà ở cao tầng trên địa bàn thành phố Hà Nội, cũng như một số dự án bất động sản trên địa bàn các tỉnh lân cận.

3. Về các trọng tâm khác

- Tổ chức hoàn thành việc phát hành cổ phiếu để tăng vốn điều lệ từ 60 tỷ đồng lên 76 tỷ đồng nhằm thực hiện hoàn thành việc sáp nhập Công ty cổ phần LICOGI 16.9 vào Công ty cổ phần LICOGI 16.6;
- Thực hiện các thủ tục cần thiết theo quy định pháp luật để đăng ký niêm yết bổ sung cổ phiếu mới phát hành của Công ty tại Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội.

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

I. BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

1. Khả năng sinh lời, khả năng thanh toán

Theo báo cáo tài chính năm 2011 đã được kiểm toán,

Tổng tài sản của Công ty vào thời điểm 31/12/2011 đạt giá trị **348.912.914.313** đồng.

Lợi nhuận sau thuế cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2011 là 20.083.201.211 đồng;

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối tại thời điểm 31/12/2011 là: 21.835.232.864 đồng

Stt	Chỉ tiêu	ĐVT	2010	2011
1	Khả năng thanh toán			
a	Hệ số thanh toán nhanh	Lần	0,86	1,06
b	Hệ số thanh toán hiện hành	Lần	1,12	1,23
2	Khả năng sinh lợi			
a	ROA	%	6,17	5,76
b	ROE	%	22,43	22,22

2. Các hệ số phù hợp trong kinh doanh

Stt	Chỉ tiêu	ĐVT	2011
1	Cơ cấu tài sản		
a	- Tài sản dài hạn/Tổng tài sản	%	9,39
b	- Tài sản ngắn hạn/Tổng Tài sản	%	90,61
2	Cơ cấu nguồn vốn		
a	- Nợ phải trả/ Tổng nguồn vốn	%	74,1
b	- Nguồn vốn chủ sở hữu/ Tổng nguồn vốn	%	25,89

3. Phân tích tình hình tài chính Công ty

Về chỉ tiêu cơ cấu tài sản: Năm 2011 Công ty không tập trung đầu tư đầu tư máy móc thiết bị, mà chỉ tập trung nguồn vốn để triển khai thực hiện các hợp đồng đã giao kết, bởi vậy chỉ tiêu tài sản ngắn hạn/Tổng tài sản của công ty nhìn chung còn tương đối thấp. Tuy nhiên cơ cấu tài sản hiện nay của Công ty được cho là an toàn, đảm bảo cân đối cho hoạt động sản xuất kinh doanh, hoàn toàn phù hợp với đặc thù chung của ngành xây dựng.

Về chỉ tiêu cơ cấu nguồn vốn: Với tỷ suất nợ là 74,1%, tỷ suất tự tài trợ là 25,9 % như hiện nay cho thấy, Công ty vẫn duy trì được tính tự chủ về tài chính ở mức an toàn.

Về chỉ tiêu khả năng thanh toán: Khả năng thanh toán nhanh cũng như khả năng thanh toán hiện hành của công ty năm 2011 đều tăng cao hơn so với năm 2010, điều này thể hiện công ty đã dần tích lũy được nguồn lực để đáp ứng cho yêu cầu sản xuất kinh doanh của mình. Với hệ số thanh toán hiện hành là 1,23 (lớn hơn 1) như hiện nay cho thấy, khả năng thanh toán của Công ty vẫn đảm bảo ở mức rất an toàn đối với các khoản nợ của mình.

Nhóm chỉ tiêu về khả năng sinh lời: Chỉ số ROA của công ty năm 2011 tăng không lớn so với chỉ số của năm 2010. Chỉ số ROE năm 2011 giảm nhẹ so với năm 2010, ở mức 28,66% so với mức 30,34%.

4. Giá trị sổ sách của công ty

Trên cơ sở báo cáo tài chính đã được kiểm toán năm 2010, Vốn chủ sở hữu của Công ty là tại thời điểm 31/12/2010 được phản ánh như sau:

Stt	Chỉ tiêu	Giá trị
1	Giá trị sổ sách tại thời điểm 31/12/2011	90.367.966.590 đồng
2	Tổng số cổ phiếu đang lưu hành	6.000.000 cổ phần
3	Giá trị sổ sách của cổ phiếu LCS	15.061.33 đồng/cổ phần

II. BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

Mặc dù gặp nhiều khó khăn do tác động của môi trường kinh tế vĩ mô, cũng như các yếu tố khách quan về điều kiện thời tiết đã ảnh hưởng tới hoạt động sản xuất kinh doanh, song Công ty vẫn đạt được kết quả rất khả quan về các chỉ tiêu về tài chính, cũng như chỉ tiêu về sản lượng, doanh thu, lợi nhuận . . .

Một số chỉ tiêu kinh tế cơ bản đạt được trong năm 2011

Stt	Chỉ tiêu	31/12/2010	31/12/2011
I	Tổng tài sản	201.559.382.368	348.912.914.313
A	Tài sản ngắn hạn	153.319.822.879	316.141.798.867
1	Tiền và các khoản tiền tương đương	19.883.553.823	12.492.392.466
2	Phải thu ngắn hạn	69.525.909.884	196.707.597.244
3	Hàng tồn kho	38.805833.946	95.767.392.369

4	Tài sản ngắn hạn khác	9.257.430.726	5.353.031.988
B	Tài sản dài hạn	48.239.559.489	32.771.115.446
1	Tài sản cố định hữu hình	39.339.559.489	28.143.115.446
2	Chi phí XDCB dở dang	1.035.213.000	1.035.213.000
3	Đầu tư tài chính dài hạn	8.900.000.000	4.628.000.000
II	Tổng nguồn vốn	201.559.382.368	348.912.914.313
A	Nợ phải trả	146.088.098.511	258.544.947.723
1	Nợ vay ngắn hạn	136.744.455.821	257.439.248.730
2	Vay và nợ dài hạn	9.343.642.690	1.105.698.993
B	Nguồn vốn chủ sở hữu	55.471.283.857	90.367.966.590
1	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	41.000.000.000	60.000.000.000
2	Thặng dư vốn cổ phần	187.494.500	4.822.978.000
III	Kết quả hoạt động s/xuất, k/doanh		
1	Doanh thu bán hàng và CCDV	443.579.010.292	977.735.945.664
2	Doanh thu thuần về BH và CCDV	443.579.010.292	977.735.945.664
3	Giá vốn hàng bán	415.892.541.762	921.533.842.491
4	Lợi nhuận gộp về BH và CCDV	27.686.468.530	56.202.103.173
5	Thuế TNDN	1.941.750.840	4.783.191.578
6	Lợi nhuận sau thuế TNDN	12.440.039.566	20.083.201.211

III. NHỮNG TIẾN BỘ ĐÃ ĐẠT ĐƯỢC

- Mặc dù năm 2011 là năm khó khăn cho toàn bộ nền kinh tế, tuy nhiên công ty đã hoàn thành được những chỉ tiêu kinh tế kế hoạch đã đề ra, mang lại kết quả lợi nhuận khả quan, đảm bảo chi trả cổ tức 20 % cho cổ đông.
- Công tác thu hồi công nợ được thực hiện một cách hiệu quả, bởi vậy đã giúp Công ty vượt qua áp lực về tài chính, đồng thời đảm bảo nguồn vốn cho các hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm 2011.
- Cùng song hành với chương trình tái cấu trúc của Công ty mẹ và toàn hệ thống, Công ty cổ phần 16.6 đang từng bước xây dựng hình ảnh một công ty chuyên nghiệp thông qua việc kiện toàn bộ máy nhân sự, chú trọng xây dựng nguồn nhân lực cả về chất và lượng, quan tâm và đảm bảo ổn định các chế độ phúc lợi cho CBCNV.

- Xây dựng quy chế trả lương trả thưởng rõ ràng và minh bạch, duy trì ổn định các chế độ phúc lợi xã hội, đánh giá đúng mức độ đóng góp của từng thành viên đối với Công ty, gắn liền chế độ tiền lương với năng suất và chất lượng công việc, khuyến khích người lao động có trình độ chuyên môn kỹ thuật cao, khuyến khích mọi người nâng cao hiệu suất công tác. Từ đó khuyến khích CBCNV làm việc hăng say góp phần thúc đẩy hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.
- Năm 2011 Công ty đã trích lập dự phòng giảm giá đầu tư tài chính, dự phòng bảo hành công trình và xác định dở dang hợp lý, đảm bảo giá trị có thể thực hiện cho năm 2012.

IV. KẾ HOẠCH NĂM 2012

1. Các chỉ tiêu kế hoạch năm 2012

Đơn vị tính: Triệu đồng

Stt	Chỉ tiêu	Thực hiện 2011	Kế hoạch 2012	Tỷ lệ so với 2011
1	Doanh thu	977.730	622.384	63,66 %
2	Lợi nhuận trước thuế	24.860	25.147	101,15 %
3	Vốn điều lệ	60.000	76.000	
4	Lợi nhuận sau thuế	20.080	18.860	93,92 %
5	Tỷ lệ cổ tức	20%	18 %	75%
6	Nộp ngân sách	27.300	12.210	44,73 %
7	Thu nhập bình quân	5	6	120 %

2. Các mục tiêu trong lĩnh vực thi công xây lắp

Tập trung chỉ đạo sản xuất để triển khai tốt, đảm bảo tiến độ thi công các công trình chuyển tiếp từ năm 2011 và các công trình mà công ty mới trúng thầu, như:

- Tập trung hoàn thành công tác thi công bê tông RCC tại Công trình thủy điện Bản Chát theo đúng kế hoạch tiến độ.
- Tập trung thực hiện các công việc cần thiết để khởi công gói thầu xây lắp điện thuộc Dự án năng lượng nông thôn 2 tỉnh Thái Nguyên
- Phấn đấu thi công hoàn thành gói thầu đào đắp tại công trình Núi Pháo, Thái Nguyên
- Và một số công trình cũng như một số hợp đồng thi công xây lắp mà công ty đã giao kết

3. Trong hoạt động kinh doanh

- Tổ chức và thực hiện công tác phân phối tro bay một cách ổn định và kịp thời, đảm bảo cung cấp đủ lượng tro bay phục vụ sản xuất bê tông RCC cho công trình thủy điện Bản Chát; Công trình thủy điện Xêkaman 1, Công trình thủy điện Lai Châu . . .
- Thực hiện tốt công tác quản lý, vận hành và kinh doanh điện nước cho các đơn vị thi công tại Công trình thủy điện Bản Chát;
- Nghiên cứu thị trường, tổ chức bộ máy để chuẩn bị công tác phân phối gạch nhẹ chung áp và Tro bay Phả Lại ra thị trường.
- Bám sát việc góp vốn cùng Công ty cổ phần LICOGI 16 để thực hiện dự án đầu tư cải tạo xây dựng lại các nhà chung cư cũ tại thành phố Hà Nội;
- Tích cực tìm kiếm đối tác, tham gia liên doanh liên kết nhằm đầu tư kinh doanh nhà ở và bất động sản.
- Và một số hoạt động đầu tư khác;

4. Trong hoạt động đầu tư

Để thực hiện định hướng mở rộng hoạt động sang lĩnh vực sản và lĩnh vực sản xuất kinh doanh vật liệu xây dựng - một lĩnh vực tiềm năng mà công ty có thể mạnh, năm 2012 công ty sẽ tập trung tìm kiếm cơ hội để đầu tư các dự án thuộc lĩnh vực này như:

- Tìm kiếm cơ hội để đầu tư sản xuất tro bay gần khu vực thị trường tiềm năng nhằm giảm chi phí vận chuyển, nâng cao khả năng cạnh tranh của tro bay đối với các phụ gia khác như Puzolan, tro bay nhập khẩu;
- Góp vốn đầu tư nhằm tạo việc làm ổn định và lâu dài cho lực lượng thi công cơ giới;
- Góp vốn đầu tư Dự án Toà nhà đa năng LICOGI 16 theo hợp đồng hợp tác kinh doanh đã giao kết.

Trên cơ sở định hướng và danh mục dự án dự kiến đầu tư như trên, năm 2012 Công ty sẽ thực hiện với tổng mức đầu tư dự kiến là 51,717 tỷ đồng. Trong đó:

- + Góp vốn đầu tư Dự án Toà nhà đa năng LICOGI 16 theo hợp đồng hợp tác kinh doanh đã giao kết là 35,317 tỷ đồng.
- + Đầu tư tạo việc làm ổn định lâu dài cho lực lượng thi công cơ giới và đầu tư khác 15 tỷ đồng.
- + Đầu tư tài sản cố định là 1,1 tỷ đồng.

5. Các trọng tâm khác

- Tổ chức hoàn thành việc phát hành cổ phiếu để tăng vốn điều lệ từ 60 tỷ đồng lên 76 tỷ đồng nhằm đảm bảo nguồn vốn đầu tư, vốn đối ứng cho các dự án đầu tư của công ty.
- Thực hiện các thủ tục cần thiết theo quy định pháp luật để đăng ký niêm yết bổ sung cổ phiếu mới phát hành của Công ty tại Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội.
- Và các công việc quan trọng khác

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

I. GIẢI TRÌNH BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ BÁO CÁO KIỂM TOÁN

1. Kiểm toán độc lập

a. Đơn vị kiểm toán độc lập:

Công ty tư vấn Kế toán và Kiểm toán Việt Nam (AVA)

Địa chỉ: 160 Phương Liệt, Thanh Xuân, Hà Nội

Tel: 04 3386 9566

Website: kiemtoanava.com.vn

b. Ý kiến kiểm toán

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2011 của Công ty cổ phần LICOLOGI 16.6 lập ngày 31 tháng 12 năm 2011 gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2011, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011 được trình bày từ trang 6 đến trang 21 kèm theo.

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính này thuộc trách nhiệm của Ban Giám đốc Công ty cổ phần LICOLOGI 16.6. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về các báo cáo này căn cứ trên kết quả kiểm toán của chúng tôi.

Cơ sở ý kiến

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu công việc kiểm toán lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo hợp lý rằng các báo cáo tài chính không còn chứa đựng các sai sót trọng yếu. Chúng tôi đã thực hiện việc kiểm tra theo phương pháp chọn mẫu và áp dụng các thử nghiệm cần thiết, các bằng chứng xác minh những thông tin trong báo cáo tài chính; đánh giá việc tuân thủ các chuẩn mực và chế độ kế toán hiện hành, các nguyên tắc và phương pháp kế toán được áp dụng, các ước tính và xét đoán quan trọng của Ban Giám đốc cũng như cách trình bày tổng quát các báo cáo tài chính. Chúng tôi cho rằng công việc kiểm toán của chúng tôi đã đưa ra những cơ sở hợp lý để làm căn cứ cho ý kiến của chúng tôi.

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty cổ phần LICOLOGI 16.6 tại ngày 31/12/2011, cũng như kết quả kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011, phù hợp với chuẩn mực và chế độ kế toán Việt Nam hiện hành và các nguyên tắc kế toán phổ biến được Việt Nam chấp nhận.

c. Các nhận xét đặc biệt (thư quản lý): Không có

2. Kiểm soát nội bộ

a. Nhận xét đánh giá:

Năm 2011 tiếp tục là năm khó khăn cho toàn bộ nền kinh tế, tình hình khó khăn về vốn và công việc kéo dài và đã có không ít công ty công bố kết quả lỗ trong năm. Tuy nhiên, lợi nhuận của Công ty vẫn vượt kế hoạch đề ra.

Ban kiểm soát đánh giá cao sự nỗ lực của Hội đồng Quản trị, Ban Điều hành và toàn thể CBCNV công ty trong việc định hướng, điều hành và thực hiện vai trò, nhiệm vụ của mình trong toàn bộ hoạt động của Công ty.

Năm 2011 Công ty đã thực hiện tốt và hiệu quả các công trình xây lắp, đặc biệt là Công trình Thủy điện Bản Chát với tỷ trọng lợi nhuận chiếm 88% trong tổng số LN gộp của Công ty. Bên cạnh đó lĩnh vực kinh doanh kinh doanh vật liệu xây dựng cũng góp phần mang lại lợi nhuận đáng kể.

Công tác thu hồi công nợ tốt là yếu tố quan trọng giúp Công ty vượt qua áp lực về vốn và là huyết mạch giúp Công ty vận hành thông suốt trong năm 2011.

Cùng song hành với chương trình tái cấu trúc của Công ty mẹ và toàn hệ thống, Công ty 16.6 đang từng bước xây dựng hình ảnh một công ty chuyên nghiệp thông qua việc kiện toàn bộ máy nhân sự, chú trọng xây dựng nguồn nhân lực cả về chất và lượng, quan tâm và xây dựng phúc lợi cho CBCNV, khuyến khích tư duy, sáng tạo và hiệu quả công việc.

Năm 2011 Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc đã thực thi đúng trách nhiệm của mình với tinh thần vì lợi ích hợp pháp cao nhất của Công ty và cổ đông. Các quyết định của Hội đồng quản trị được ban hành đúng trình tự và thẩm quyền theo quy định trong điều lệ.

Hội đồng Quản trị, ban Giám đốc giữ mối quan hệ thường xuyên với Ban Kiểm soát. Ban kiểm soát được tham dự đầy đủ các cuộc họp HĐQT mở rộng.

Ban Giám đốc thực hiện theo đúng các quy định hiện hành của pháp luật Nhà nước, điều lệ tổ chức hoạt động của Công ty, các nghị quyết, quyết định của HĐQT.

Hoạt động của Công ty đều phù hợp với ngành nghề đã đăng ký kinh doanh theo đúng quy định trong giấy phép kinh doanh.

Công ty tổ chức được bộ máy kế toán hoàn thiện, đồng bộ. Bộ máy kế toán phù hợp với quy mô và yêu cầu của công tác kế toán. Thiết lập hệ thống sổ sách kế toán, chứng từ kế toán, báo cáo kế toán theo quy định. Hạch toán kế toán thực hiện đúng quy định và chuẩn mực kế toán, chi phí và doanh thu phản ánh thực tế SXKD công

ty. Công ty thực hiện minh bạch báo cáo tài chính tạo niềm tin cho cổ đông và tạo tiền lệ tốt cho những năm tiếp theo. Công tác thu hồi công nợ đạt được kết quả cao.

Năm 2011 Công ty đã trích lập dự phòng giảm giá đầu tư tài chính, dự phòng bảo hành công trình và xác định dở dang hợp lý, đảm bảo giá trị có thể thực hiện cho năm 2012.

b. Kiến nghị

Để có thể tồn tại và khẳng định vị thế của Công ty trên thị trường trong nước, Công ty cần xây dựng định hướng chiến lược, xây dựng giá trị lõi và thế mạnh của mình.

Với bối cảnh kinh tế hiện nay dự đoán sẽ tiếp tục còn khó khăn, để có thể đạt được kết quả theo kế hoạch sản xuất kinh doanh trong năm tới và phát triển bền vững trong tương lai, công ty cần chú trọng công tác tìm kiếm việc làm và xây dựng chính sách tốt cho công tác tìm kiếm việc làm, xây dựng kế hoạch SXKD trung và dài hạn; kế hoạch tài chính cụ thể, kịp thời phục vụ SXKD.

Tiếp tục hoàn thiện quy chế quản trị và quy chế quản lý nội bộ. Xây dựng quy chế, phương thức giao khoán, giao thầu đối với mảng xây dựng; Chính sách bán hàng, chính sách tiếp thị đối với kinh doanh VLXD...

Củng cố, hoàn thiện và đào tạo bộ máy nhân sự có chuyên môn và có trình độ. Áp dụng công nghệ thông tin trong điều hành. Xây dựng hệ thống kế toán quản trị; hệ thống phân tích, đánh giá, dự báo rủi ro tài chính nhằm cung cấp thông tin kịp thời, hữu ích cho ban lãnh đạo.

Ban kiểm soát nhiệm kỳ đầu trải qua thời gian 5 năm và có những sự thay đổi, đến nay nhân sự của BKS vẫn duy trì 3 người và đều công tác kiêm nhiệm. Năm 2011 là năm cuối cùng trong nhiệm kỳ 2007 – 2012. Với trách nhiệm, chức năng và quyền hạn của BKS theo quy định tại Điều lệ Công ty, tuân thủ theo các quy định của Luật Doanh nghiệp, quy chế hoạt động của Công ty niêm yết; BKS trong nhiệm kỳ qua đã hoàn thành trách nhiệm của mình, có những đóng góp thiết thực cho công tác quản lý, điều hành sản xuất kinh doanh.

II. BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

1. Bảng cân đối kế toán
2. Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh
3. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ
4. Thuyết minh báo cáo tài chính

CÁC CÔNG TY CÓ LIÊN QUAN

1. Công ty cổ phần LICOGI 16

Công ty cổ phần LICOGI 16 là thành viên sáng lập của Công ty. Hiện nay, Công ty cổ phần LICOGI 16 đang nắm giữ 3.398.953 cổ phần của Công ty tương ứng với tỷ lệ 56,65 % tổng số lượng cổ phiếu đang lưu hành của Công ty.

Công ty cổ phần LICOGI 16 đã đăng ký niêm yết chứng khoán tại Sở giao dịch chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh với mã chứng khoán là LCG.

2. Công ty cổ phần Sông Đà Cao Cường

Hiện nay, LICOGI 16.6 vừa là cổ đông chiến lược, đồng thời là nhà đầu tư lớn nắm giữ 890.000 cổ phần của Công ty cổ phần Sông Đà Cao Cường, tương ứng với tỷ lệ 9,89% vốn điều lệ của Công ty này.

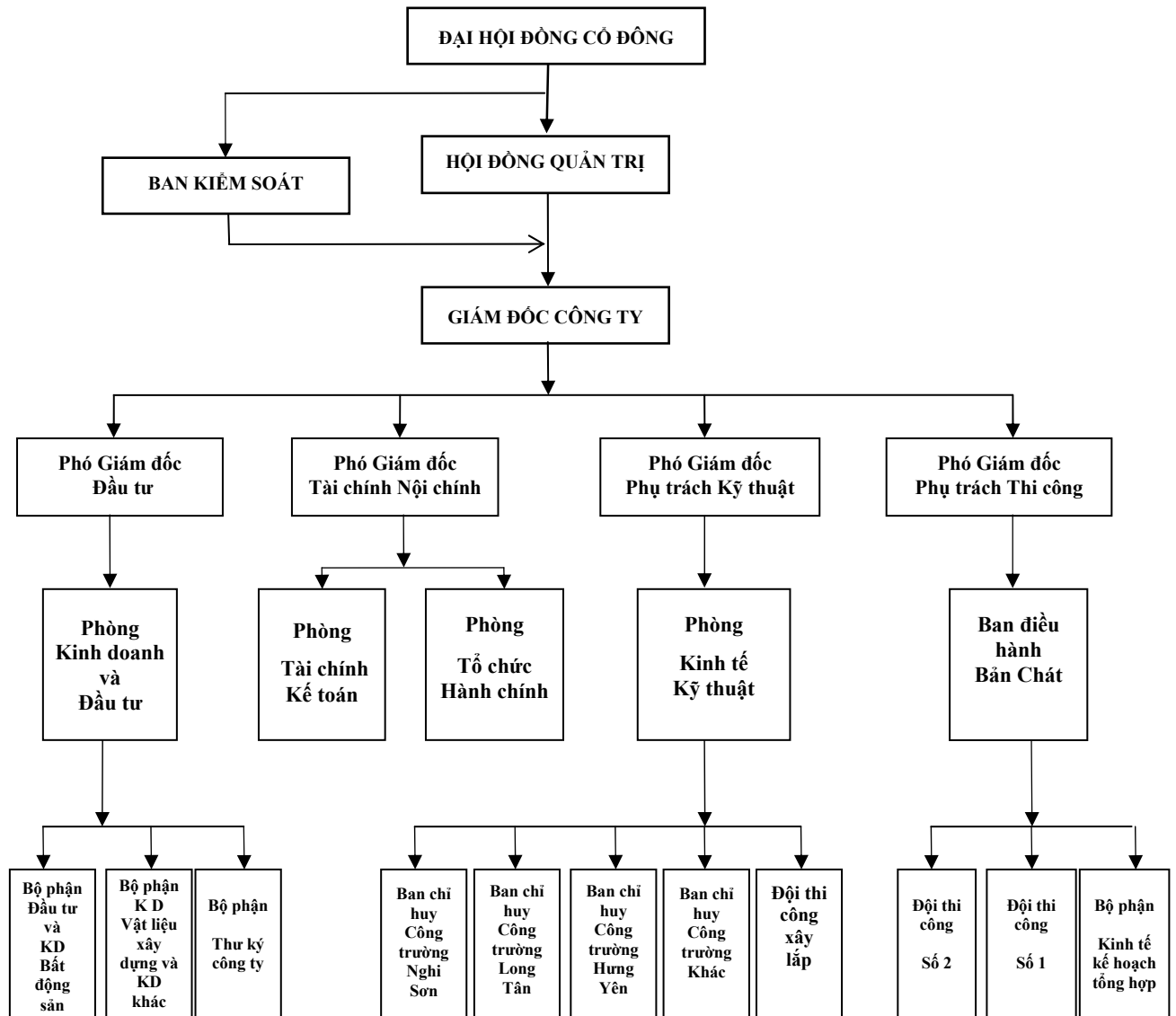
Để quản lý phần vốn góp của mình, LICOGI 16.6 đã cử một thành viên Hội đồng quản trị kiêm Phó giám đốc tham gia Hội đồng quản trị và Ban giám đốc của Công ty cổ phần Sông Đà Cao Cường

TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ

I. CƠ CẤU TỔ CHỨC NHÂN SỰ

1. Sơ đồ tổ chức

SƠ ĐỒ TỔ CHỨC BỘ MÁY CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN LICOGI 16.6



2. Đại hội đồng Cổ đông

Đại hội đồng cổ đông là cơ quan quyền lực cao nhất của Công ty. Đại hội đồng cổ đông quyết định tổ chức lại và giải thể Công ty, quyết định định hướng phát triển của Công ty, bổ nhiệm, miễn nhiệm thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ban Kiểm soát.

3. Hội đồng Quản trị

Hội đồng Quản trị là cơ quan quản trị cao nhất của Công ty, có đầy đủ quyền hạn để thay mặt ĐHĐCĐ quyết định các vấn đề liên quan đến mục tiêu và lợi ích của Công ty, ngoại trừ các vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông. Hội đồng Quản trị do Đại hội đồng cổ đông bầu ra.

4. Ban kiểm soát

Ban Kiểm soát do Đại hội đồng Cổ đông bầu ra, là tổ chức thay mặt cổ đông để kiểm soát mọi hoạt động kinh doanh, quản trị và điều hành của Công ty.

5. Ban Giám đốc

Ban Giám đốc bao gồm Giám đốc và các Phó Giám đốc do HĐQT quyết định bổ nhiệm và miễn nhiệm. Giám đốc là người đại diện theo pháp luật của Công ty và là người điều hành cao nhất mọi hoạt động kinh doanh hàng ngày của Công ty.

6. Các phòng nghiệp vụ của Công ty

a. Phòng Kinh tế - Kỹ thuật

Phòng Kinh tế - Kỹ thuật là bộ phận chuyên môn nghiệp vụ của công ty, do Giám đốc Công ty quyết định thành lập trên cơ sở nghị quyết của Hội đồng quản trị.

Phòng Kinh tế - Kỹ thuật có chức năng tham mưu giúp việc cho Giám đốc công ty thực hiện nhiệm vụ quản lý và triển khai công việc trong các lĩnh vực Khoa học kỹ thuật, Kinh tế, Kế hoạch, Thị trường và Vật tư.

b. Phòng Kinh doanh và Đầu tư

Phòng Kinh doanh và Đầu tư là bộ phận chuyên môn nghiệp vụ của công ty, do Giám đốc Công ty quyết định thành lập trên cơ sở nghị quyết của Hội đồng quản trị.

Phòng Kinh doanh và Đầu tư có chức năng tham mưu, giúp việc cho Giám đốc Công ty thực hiện công tác tổ chức và triển khai các hoạt động kinh doanh thương mại, các hoạt động đầu tư và các hoạt động nghiệp vụ khác có liên quan, và nhiệm vụ thư ký công ty

c. Phòng Kế toán – Tài chính

Phòng Kế toán- Tài chính là bộ phận chuyên môn nghiệp vụ của công ty, , do Giám đốc Công ty quyết định thành lập trên cơ sở nghị quyết của Hội đồng quản trị.

Phòng Kế toán – Tài chính có nhiệm vụ tham mưu và giúp việc cho giám đốc Công ty thực hiện chức năng quản lý về tài chính và kế toán trong Công ty: Xây dựng kế hoạch, theo dõi và quản lý tình hình sử dụng các nguồn vốn, đề xuất các biện pháp phát triển nguồn vốn; Phân tích hoạt động kinh tế phục vụ cho công tác quản lý và

điều hành sản xuất kinh doanh của Công ty; Tổ chức điều hành công tác kế toán, xây dựng và thực hiện các hồ sơ, sổ sách, chứng từ kế toán; Xây dựng và tổ chức thực hiện trình tự luân chuyển chứng từ kế toán phục vụ công tác hạch toán kế toán và thống kê của Công ty. Kiểm tra kiểm soát chứng từ kế toán đảm bảo các nguyên tắc quản lý tài chính của Nhà nước và Công ty. Lập và gửi Báo cáo tài chính tháng, quý, năm theo quy định của Nhà nước và Công ty.

d. Phòng Tổ chức – Hành chính

Phòng Tổ chức – Hành chính là bộ phận chuyên môn nghiệp vụ của công ty, do Giám đốc Công ty quyết định thành lập trên cơ sở nghị quyết của Hội đồng quản trị.

Phòng Tổ chức – Hành Chính có chức năng tham mưu, giúp việc cho Giám đốc công ty thực hiện chức năng quản lý về Tổ chức - Lao động - Tiền lương - Thi đua - Hành chính - Quản trị - Bảo vệ và Thanh tra - Pháp chế.

II. BAN GIÁM ĐỐC CÔNG TY

1. Thành phần Ban Giám đốc công ty

BAN GIÁM ĐỐC	CHỨC VỤ
Ông Nguyễn Quốc Đồng	Giám đốc
Ông Trần Đình Tuấn	Phó Giám đốc
Ông Vũ Đình Dũng	Phó Giám đốc
Ông Trần Hoàng Châu	Phó Giám đốc

2. Tóm tắt lý lịch các thành viên trong Ban Giám đốc

Ông Nguyễn Quốc Đồng - Giám đốc Công ty

- Ngày tháng năm sinh: 31/08/1979 Nơi sinh: Quảng Bình
- Dân tộc: Kinh Quốc tịch: Việt Nam
- Địa chỉ thường trú: D120, Chung cư đường số 20, phường 5, Gò Vấp, Tp.HCM
- Trình độ chuyên môn: Kỹ sư thủy lợi.

Ông Trần Đình Tuấn – Phó Giám đốc

- Ngày tháng năm sinh: 20/08/1958 Nơi sinh: Thanh Hóa
- Dân tộc: Kinh Quốc tịch: Việt Nam
- Địa chỉ thường trú: Số 25 - D6, Thanh Xuân Bắc, Hà Nội

- Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kinh tế ngành Kế toán

Ông Vũ Đình Dũng – Phó Giám đốc

- Ngày tháng năm sinh: 27/12/1958 Nơi sinh: Hải Dương
- Dân tộc: Kinh Quốc tịch: Việt Nam
- Địa chỉ thường trú: P. 303 - A11 - Thanh Xuân Bắc - Thanh Xuân - Hà Nội
- Trình độ chuyên môn: Kỹ sư kinh tế xây dựng

Ông Trần Hoàng Châu – Phó Giám đốc, kiêm trưởng phòng Kinh tế - Kỹ thuật

- Ngày tháng năm sinh: 07/03/1973 Nơi sinh: Hà Nội
- Dân tộc: Kinh Quốc tịch: Việt Nam
- Địa chỉ thường trú: Nhà 14 Ngách 14/31 Phố Pháo Đài Láng, Láng Thượng, Đống Đa, Hà Nội
- Trình độ chuyên môn: Kỹ sư Xây dựng

3. Thay đổi thành viên Ban giám đốc

Trong năm 2011, công ty đã có các quyết định thay đổi nhân sự cấp cao trong Ban Giám đốc Công ty như sau:

- Bổ nhiệm ông Nguyễn Quốc Đồng giữ chức vụ Giám đốc, người đại diện theo pháp luật của Công ty từ ngày 03/06/2011.
- Miễn nhiệm chức vụ Phó Giám đốc đối với ông Nguyễn Việt Hùng từ ngày 01/06/2011, để ông Hùng đảm nhiệm chức Giám đốc chi nhánh Công ty cổ phần LICO GI 16 tại Lai Châu.
- Bổ nhiệm ông Trần Hoàng Châu giữ chức Phó Giám đốc Công ty ngày 01/07/2011.

4. Chính sách đối với người lao động

+ Chế độ làm việc

Thời gian làm việc: Trên cơ sở chế độ chung, Công ty tổ chức làm việc 8 giờ/ngày và 5,5 ngày/tuần. Tuy nhiên, thời gian làm việc tại các công trường sẽ được bố trí phù hợp với yêu cầu thi công trên cơ sở tuân thủ các quy định của Luật lao động.

Nghỉ Lễ, Tết, phép: Toàn thể CBCNV của Công ty được nghỉ Lễ, Tết và phép theo đúng Quy định của Luật lao động.

Điều kiện làm việc: Đối với lao động gián tiếp, công ty cố gắng cải tạo các phòng làm việc một cách khoa học, khang trang; đối với lao động trực tiếp, Công ty trang bị đầy

đủ dụng cụ và phương tiện bảo hộ, tuân thủ các qui chuẩn, yêu cầu an toàn trong quá trình lao động, sản xuất.

+ Chính sách đào tạo

Với mục tiêu hướng đến kỹ năng chuyên môn hoá cao trong tất cả các bộ phận công tác, công ty luôn khuyến khích người lao động nâng cao năng lực nghiệp vụ, chuyên môn để đảm bảo hoàn thành nhiệm vụ tốt nhất; trong thời gian qua, Công ty đã hỗ trợ kinh phí đào tạo cho CBCNV trong việc học tập nâng cao nghiệp vụ, kỹ thuật. Trong thời gian tới, Công ty cũng sẽ tổ chức các lớp học, thi nâng cao tay nghề, bậc kỹ thuật, tạo ra phong trào học tập đi đôi với sáng tạo trong lao động sản xuất, phục vụ tốt cho mục tiêu phát triển lâu dài của Công ty.

+ Chính sách lương

Công ty xây dựng và thực hiện chính sách lương phù hợp với đặc trưng ngành nghề, cố gắng tối đa để đảm bảo giải quyết cho người lao động hưởng mức lương tương xứng với năng lực đóng góp, trình độ nghiệp vụ chuyên môn của mỗi người, cùng các chế độ quy định của Nhà nước.

Đối với lao động trong Công ty được xếp theo thang bảng lương của Nhà nước tại Nghị định 203, 205 của Chính phủ. Ngoài chế độ lương cơ bản người lao động còn được hưởng lương năng suất theo đơn giá tiền lương đã được HĐQT phê duyệt.

+ Chính sách thưởng:

Ngoài việc trả lương hàng tháng cho người lao động, hàng Quý, công ty đều xếp loại lao động dựa theo các chỉ tiêu năng suất, kỷ luật để khen thưởng, mức thưởng cho mỗi CBCNV bình quân từ nửa tháng đến một lương/quý.

Công ty còn xây dựng quỹ khen thưởng đặc biệt của Giám đốc, để khen thưởng đột xuất, kịp thời đối với các cá nhân, tập thể có thành tích xuất sắc trong sáng kiến lao động sản xuất...

+ Chính sách phúc lợi và chăm sóc người lao động:

Quan tâm đến phúc lợi của người lao động, ngoài việc đóng Bảo hiểm y tế và Bảo hiểm xã hội, công ty còn mua Bảo hiểm tai nạn lao động, Lãnh đạo Công ty cùng Ban chấp hành Công đoàn thường xuyên tổ chức thăm hỏi, động viên, trợ cấp, tặng quà cho gia đình CBCNV khi gặp khó khăn, hoạn nạn hoặc hiếu hỷ.

Khi điều kiện sản xuất cho phép Công ty thường tổ chức các chuyến đi du lịch, nghỉ dưỡng cho CBCNV trung bình mỗi năm một lần.

THÔNG TIN CỔ ĐÔNG**I. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN KIỂM SOÁT****1. Cơ cấu****a. Thành viên và cơ cấu Hội đồng quản trị**

Họ và tên	Chức vụ	Ghi chú
Ông Bùi Dương Hùng	Chủ tịch	
Ông Vũ Công Hưng	Thành viên	Thành viên độc lập
Ông Nguyễn Quốc Đồng	Thành viên	Kiểm nhiệm Giám đốc
Ông Vũ Đình Dũng	Thành viên	Kiểm nhiệm Phó Giám đốc
Ông Trần Đình Tuấn	Thành viên	Kiểm nhiệm Phó Giám đốc
Ông Trịnh Thế Dũng	Thành viên	Thành viên độc lập
Ông Lê Văn Hoạch	Thành viên	Thành viên độc lập

Hoạt động của Hội đồng quản trị tuân thủ theo Điều lệ và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông quy định. Hội đồng quản trị đề ra chủ trương, chỉ tiêu kế hoạch hàng năm và dài hạn trình Đại hội đồng cổ đông phê duyệt. Trên cơ sở các chỉ tiêu kế hoạch đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt thông qua, Hội đồng quản trị chỉ đạo và điều hành Ban Giám đốc công ty tổ chức thực hiện.

HĐQT Công ty không thành lập các tiểu ban mà phân công từng thành viên HĐQT phụ trách từng phần công việc cụ thể như: phụ trách đầu tư, xây dựng cơ bản, Tổ chức nhân sự, Tài chính ...

Ông Bùi Dương Hùng - Chủ tịch Hội đồng quản trị

- Ngày tháng năm sinh: 02/9/1958
- Địa chỉ thường trú: Số 4A, khu nhà ở thấp tầng LICOGI 13, Nhân Chính, Thanh Xuân, Hà Nội
- Trình độ chuyên môn: Kỹ sư xây dựng

Ông Vũ Công Hưng – Thành viên HĐQT

- Ngày tháng năm sinh: 18/12/1973
- Địa chỉ thường trú: Phòng B2410, nhà B chung cư 88 Láng Hạ, Đống Đa, Hà Nội.
- Trình độ chuyên môn: Kỹ sư xây dựng; C.E.O

Ông Nguyễn Quốc Đồng - Giám đốc Công ty

- Ngày tháng năm sinh: 31/08/1979 Nơi sinh: Quảng Bình
- Địa chỉ thường trú: D120, Chung cư đường số 20, phường 5, Gò Vấp, Tp.HCM

- Trình độ chuyên môn: Kỹ sư thủy lợi.

Ông Trần Đình Tuấn – Phó Giám đốc

- Ngày tháng năm sinh: 20/08/1958 Nơi sinh: Thanh Hóa
- Địa chỉ thường trú: Số 25 - D6, Thanh Xuân Bắc, Hà Nội
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kinh tế ngành Kế toán

Ông Vũ Đình Dũng - Thành viên HĐQT kiêm Phó Giám đốc Công ty

- Ngày tháng năm sinh: 27/12/1958
- Địa chỉ thường trú: P. 303 - A11 - Thanh Xuân Bắc, Thanh Xuân, Hà Nội
- Trình độ chuyên môn: Kỹ sư Kinh tế Xây dựng

Ông Lê Văn Hoạch - Thành viên Hội đồng quản trị

- Ngày tháng năm sinh: 18/8/1959
- Địa chỉ thường trú: Số 23-D6 Thanh Xuân Bắc, Thanh Xuân, Hà Nội
- Trình độ chuyên môn: Kỹ sư máy thủy lực, Cử nhân Kinh tế, Cao cấp lý luận chính trị.

Ông Trịnh Thế Dũng - Thành viên Hội đồng quản trị

- Ngày tháng năm sinh: 16/7/1958
- Địa chỉ thường trú: Số 56/8 Nam Cao, P. Tân Sơn, TP Thanh Hóa, Thanh Hóa
- Trình độ chuyên môn: Kỹ sư đô thị, Lý luận chính trị cao cấp

b. Thành viên và cơ cấu Ban kiểm soát

Họ và tên	Chức vụ	Ghi chú
Bà Nguyễn Thị Thuỷ	Trưởng ban	
Ông Trần Anh Khiêm	Thành viên	
Ông Nguyễn Anh Tú	Thành viên	

Ban Kiểm soát hoạt động theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty. Được quyền xem xét, kiểm tra, thẩm tra báo cáo tài chính và các hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty bảo đảm tính chính xác, trung thực về tình hình hoạt động của Công ty, nhằm đảm bảo quyền lợi của nhà đầu tư.

Hàng năm Ban Kiểm soát có báo cáo đánh giá hoạt động sản xuất kinh doanh, tình hình tài chính, hoạt động đầu tư của Công ty, đồng thời đưa ra những kiến nghị đối với HĐQT, Đại hội đồng cổ đông thường niên xem xét quyết định.

2. Hoạt động của Hội đồng quản trị

Để Chỉ đạo và giám sát các hoạt động của Ban Giám đốc, Hội đồng quản trị định kỳ tổ chức các cuộc họp để đánh giá tình hình hoạt động, nắm bắt và xử lý các vấn đề có

liên quan tới hoạt động của công ty. Tại các cuộc họp này, Ban giám đốc phải báo cáo tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh, tình hình đầu tư, tình hình tài chính . . . của công ty trước HĐQT. Ngoài ra, các thành viên HĐQT thường xuyên trao đổi công việc với Ban Giám đốc bằng điện thoại, email . . để kịp thời nắm bắt và nhanh chóng giải quyết các vấn đề phát sinh nhưng vượt quá thẩm quyền của Ban giám đốc.

Đồng thời, do một số thành viên HĐQT cũng là thành viên Ban giám đốc (*ông Nguyễn Quốc Đồng kiêm Giám đốc, ông Trần Đình Tuấn và ông Vũ Đình Dũng kiêm Phó Giám đốc*), bởi vậy công tác chỉ đạo, giám sát của HĐQT đối với Ban Giám đốc, cũng như việc báo cáo, cung cấp thông tin của Ban Giám đốc đối với HĐQT diễn ra rất thuận lợi và kịp thời và nhanh chóng.

3. Hoạt động của Ban kiểm soát

Trong năm 2011, Ban Kiểm Soát đã định kỳ thực hiện công tác kiểm tra kiểm soát tình hình hoạt động của Công ty bao gồm các nội dung:

- Thẩm định báo cáo tài chính;
- Xác định tình hình thực hiện kế hoạch SXKD;
- Kiểm tra việc thực hiện nghị quyết đại hội đồng cổ đông thường niên;
- Xem xét việc ban hành nghị quyết, quyết định của HĐQT, Ban Giám đốc;
- Xem xét việc thực hiện chế độ tài chính kế toán, công tác quản lý kinh tế và các mặt hoạt động khác có liên quan trong quá trình hoạt động của công ty.

4. Thù lao Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát

Căn cứ nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, năm 2011 Công ty chi trả thù lao của HĐQT, Ban kiểm soát theo mức: Chủ tịch HĐQT là 5 triệu đồng/tháng; Ủy viên HĐQT là 3 triệu đồng/tháng, Trưởng BKS là 3 triệu đồng/tháng; thành viên BKS là 2 triệu đồng/tháng; thư ký HĐQT là 1 triệu đồng/tháng. Tổng số tiền thù lao của HĐQT và BKS năm 2010 là 300 triệu đồng.

5. Tỷ lệ sở hữu cổ phần của HĐQT, BKS, Ban Giám đốc, Kế toán trưởng

Tỷ lệ sở hữu cổ phần của thành viên HĐQT, BKS, Ban Giám đốc, Kế toán trưởng tại thời 05/3/2011 được thống kê như sau:

Stt	Họ và tên	Chức vụ	SLCP	Tỷ lệ trên vốn điều lệ
1	Vũ Công Hưng	Thành viên HĐQT	85.000	1,42%
2	Hà Thị Huê	Kế toán trưởng	18.100	0,3%

3	Vũ Đình Dũng	Thành viên HĐQT	14.300	0,24%
4	Trần Đình Tuấn	Thành viên HĐQT	7.500	0,12%
5	Lê Văn Hoạch	Thành viên HĐQT	4.800	0,08%
6	Nguyễn Thị Thuỷ	Trưởng BKS	3.000	0,05%
7	Nguyễn Quốc Đồng	Giám đốc	3.000	0,05%
8	Trần Anh Khiêm	Thành viên BKS	2.500	0,042%

6. Giao dịch cổ phiếu của Cổ đông nội bộ và người có liên quan

Giao dịch cổ phiếu

TT	Người thực hiện giao dịch	Quan hệ với cổ đông nội bộ	Số cổ phiếu sở hữu đầu kỳ		Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ		Lý do tăng, giảm
			Số cổ phiếu	Tỷ lệ	Số cổ phiếu	Tỷ lệ	
1	Trần Thị Thanh Huyền	Nguyễn Quốc Đồng – Giám đốc	30.000	0,5%	0	0%	Bán 30.000
2	Nguyễn Thị Nga	Bùi Dương Hùng - Chủ tịch HĐQT	75.600	1,26%	00	0%	Bán 75.600
3	Ngô Thị Minh	Lê Văn Hoạch – Thành viên HĐQT	26.000	0,43%	31.300	0,52%	Mua 5.300

Các giao dịch khác: Không có

II. DỮ LIỆU THỐNG KÊ VỀ CỔ ĐÔNG

1. Dữ liệu về cổ đông

Theo danh sách cổ đông do Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam (VSD) cấp ngày 05/3/2010 (ngày chốt danh sách cổ đông được hưởng quyền tham dự Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2012), số liệu về cổ đông của Công ty được thống kê như sau:

Tổng số cổ phần đang lưu hành của Công ty: 6.000.000 cổ phần

Tổng số cổ đông của Công ty: 529 cổ đông

Trong đó:

Công đông là tổ chức: 9 cổ đông nắm giữ 1.501.880 cổ phần

Cổ đông là cá nhân: 520 cổ đông nắm giữ 2.598.120 cổ phần

2. Thông tin về cổ đông nhà nước

Không có

3. Thông tin về cổ đông nước ngoài

Không có

4. Thông tin về cổ đông sáng lập

Theo quy định tại Khoản 5, Điều 84, Luật Doanh nghiệp: Trong thời hạn 03 năm kể từ ngày công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, cổ đông sáng lập có quyền tự do chuyển nhượng cổ phần phổ thông của mình cho cổ đông sáng lập khác nhưng chỉ được chuyển nhượng cổ phần phổ thông của mình cho người không phải là cổ đông sáng lập nếu được sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông. Sau thời hạn 03 năm kể từ ngày Công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, các hạn chế đối với cổ phần phổ thông của cổ đông sáng lập đều được bãi bỏ.

Như vậy tính tới thời điểm báo cáo, mọi hạn chế chuyển nhượng đối với cổ đông sáng lập đều đã hết hiệu lực.

Hà Nội, ngày 15 tháng 4 năm 2012

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



BÙI DƯƠNG HÙNG

CÔNG TY CỔ PHẦN LICOGI 16.6

*Báo cáo tài chính
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2011
đã được kiểm toán*

NỘI DUNG

	<u>Trang</u>
Báo cáo của Ban Giám đốc	2 - 5
Báo cáo Kiểm toán	6
Báo cáo Tài chính đã được kiểm toán	
Bảng cân đối kế toán	7 - 9
Báo cáo kết quả kinh doanh	10
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	11
Thuyết minh Báo cáo tài chính	12 - 23

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Licogi 16.6 (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Licogi 16.6 được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103017362 do Sở kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp ngày 18 tháng 05 năm 2007, trong quá trình hoạt động Công ty đã thay đổi 7 lần đăng ký kinh doanh, lần thứ bảy là Giấy chứng nhận đăng ký Doanh nghiệp Công ty Cổ phần với Mã số doanh nghiệp 0102264629 ngày 19/07/2011.

Theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 0102264629 ngày 19/07/2011 (thay đổi lần thứ bảy) lĩnh vực kinh doanh của Công ty là:

Đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu đô thị và kinh doanh bất động sản: Kinh doanh điện, nước, khí nén; vận tải hàng hoá; vận tải khách du lịch; vận tải khách theo hợp đồng; vận tải khách bằng xe buýt; vận tải khách bằng taxi; vận tải khách theo tuyến cố định. Kinh doanh vận tải bằng ô tô các loại hình sau: Dịch vụ bảo dưỡng ô tô và phụ tùng ô tô, Kinh doanh ô tô và phụ tùng ô tô. Đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu công nghiệp, các dự án thủy điện vừa và nhỏ (Trừ kinh doanh bất động sản). Các hoạt động dịch vụ: Cho thuê thiết bị, cung cấp vật tư kỹ thuật, tư vấn đầu tư (Không bao gồm tư vấn pháp luật, tài chính), dịch vụ sửa chữa, lắp đặt máy móc thiết bị các sản phẩm cơ khí và kết cấu địa hình khác. Sản xuất kinh doanh vật tư, thiết bị, phụ tùng và các loại vật liệu xây dựng. Gia công chế tạo kết cấu thép và các sản phẩm cơ khí. Thi công xây dựng các công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi, thủy điện, sân bay, bến cảng, các công trình điện, thông tin liên lạc, các công trình cấp thoát nước và vệ sinh môi trường, các công trình phòng cháy, chữa cháy, thiết bị bảo vệ, các công trình thông gió cấp nhiệt, điều hoà không khí, các công trình hạ tầng kỹ thuật đô thị và khu công nghiệp, nền móng công trình.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh ngày 19/07/2011 của Công ty là 60.000.000.000 VND (*Bằng chữ: Sáu mươi tỷ đồng chẵn./.*).

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG

Lợi nhuận sau thuế cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011 là: 20.083.201.211 đồng

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối tại thời điểm 31/12/2011 là: 21.835.232.864 đồng

CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KHOÁ SỔ KẾ TOÁN LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Theo nhận định của Ban Giám đốc Công ty, không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày lập Báo cáo tài chính đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên trong Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc và Ban kiểm soát Công ty trong năm 2011 và tại thời điểm lập báo cáo này gồm có :

Hội đồng quản trị:

Các thành viên Hội đồng quản trị bao gồm:

Ông Bùi Dương Hùng	Chủ tịch HĐQT
Ông Vũ Công Hưng	Ủy viên HĐQT
Ông Trần Đình Tuấn	Ủy viên HĐQT
Ông Lê Văn Hoạch	Ủy viên HĐQT
Ông Vũ Đình Dũng	Ủy viên HĐQT

Các thành viên của Ban Giám đốc bao gồm:

Ông Nguyễn Quốc Đồng	Giám đốc
Ông Trần Đình Tuấn	Phó Giám đốc
Ông Vũ Đình Dũng	Phó Giám đốc
Ông Trần Hoàng Châu	Phó Giám đốc

Các thành viên ban kiểm soát bao gồm:

Bà Nguyễn Thị Thủy	Trưởng ban
Ông Trần Anh Khiêm	Thành viên
Ông Phạm Xuân Diện	Thành viên

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính năm 2011 của Công ty đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Tư vấn Kế toán và Kiểm toán Việt Nam – Đơn vị đủ điều kiện kiểm toán cho các tổ chức phát hành, tổ chức niêm yết hoặc tổ chức kinh doanh chứng khoán theo quy định của Bộ tài chính và Ủy ban chứng khoán Nhà nước.

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định có liên quan hiện hành;
- Lập các báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh;
- Đảm bảo lợi ích của cổ đông.

CÔNG TY CỔ PHẦN LICOGI 16.6**Địa chỉ: Tầng 4 - Tòa nhà 34 – Ngõ 164 Khuất Duy Tiến – Thanh Xuân – Hà Nội**

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2011, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan.

Hà Nội, ngày 30 tháng 01 năm 2012

TM. Ban Giám đốc
Giám đốc

Nguyễn Quốc Đồng

Số : 1365/BCKT/TC/NV7

BÁO CÁO KIỂM TOÁN

*Về Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2011
của Công ty cổ phần Licogi 16.6*

Kính gửi: **Hội đồng Quản trị**
Ban Giám đốc và các cổ đông Công ty cổ phần Licogi 16.6

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2011 của Công ty cổ phần Licogi 16.6 được lập ngày 20/02/2012 gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2011, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Bản thuyết minh báo cáo tài chính năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2011 được trình bày từ trang 06 đến trang 21 kèm theo.

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính này thuộc trách nhiệm của Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về các báo cáo này căn cứ trên kết quả kiểm toán của chúng tôi.

Cơ sở ý kiến

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu công việc kiểm toán lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo hợp lý rằng các báo cáo tài chính không còn chứa đựng các sai sót trọng yếu. Chúng tôi đã thực hiện việc kiểm tra theo phương pháp chọn mẫu và áp dụng các thử nghiệm cần thiết, các bằng chứng xác minh những thông tin trong báo cáo tài chính; đánh giá việc tuân thủ các chuẩn mực và chế độ kế toán hiện hành, các nguyên tắc và phương pháp kế toán được áp dụng, các ước tính và xét đoán quan trọng của Giám đốc cũng như cách trình bày tổng quát các báo cáo tài chính. Chúng tôi cho rằng công việc kiểm toán của chúng tôi đã đưa ra những cơ sở hợp lý để làm căn cứ cho ý kiến của chúng tôi.

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Licogi 16.6 tại ngày 31 tháng 12 năm 2011, cũng như kết quả kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2011, phù hợp với chuẩn mực và chế độ kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.



Ngô Quang Tiến

Phó Giám đốc

Chứng chỉ kiểm toán viên số 0448/KTV

Thay mặt và đại diện cho

CÔNG TY TNHH TƯ VẤN KẾ TOÁN

VÀ KIỂM TOÁN VIỆT NAM (AVA)

Hà Nội, ngày 23 tháng 02 năm 2012



Trần Trí Dũng

Kiểm toán viên

Chứng chỉ kiểm toán viên số 0895/KTV

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011

Đơn vị tính: VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	31-12-11	01-01-11
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		316.141.798.867	153.319.822.879
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	3	12.492.392.466	19.883.533.823
111	1. Tiền		9.492.392.466	7.883.533.823
112	2. Các khoản tương đương tiền		3.000.000.000	12.000.000.000
120	II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	4	5.821.384.800	15.847.114.500
121	1. Đầu tư ngắn hạn		23.620.978.356	23.620.978.356
129	2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn (*)		(17.799.593.556)	(7.773.863.856)
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		196.707.597.244	69.525.909.884
131	1. Phải thu khách hàng		194.806.726.836	68.335.970.340
132	2. Trả trước cho người bán		406.870.408	583.739.544
133	3. Phải thu nội bộ ngắn hạn		-	-
134	4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng XD		-	-
135	5. Các khoản phải thu khác	5	1.494.000.000	606.200.000
139	6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)		-	-
140	IV. Hàng tồn kho	6	95.767.392.369	38.805.833.946
141	1. Hàng tồn kho		95.767.392.369	38.805.833.946
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)		-	-
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		5.353.031.988	9.257.430.726
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn		119.733.049	1.359.652.949
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ		-	-
154	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước		3.116.199.600	-
157	4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu TP		-	-
158	5. Tài sản ngắn hạn khác		2.117.099.339	7.897.777.777
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		32.771.115.446	48.239.559.489
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		-	-
220	II. Tài sản cố định		28.143.115.446	39.339.559.489
221	1. Tài sản cố định hữu hình	7	27.107.902.446	38.304.346.489
222	- Nguyên giá		53.637.545.086	52.904.253.762
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(26.529.642.640)	(14.599.907.273)
224	2. Tài sản cố định thuê tài chính		-	-
227	3. Tài sản cố định vô hình		-	-
230	4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	8	1.035.213.000	1.035.213.000
240	III. Bất động sản đầu tư		-	-
250	IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	9	4.628.000.000	8.900.000.000
258	3. Đầu tư dài hạn khác		8.900.000.000	8.900.000.000
259	4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn (*)		(4.272.000.000)	-
260	V. Tài sản dài hạn khác		-	-
261	1. Chi phí trả trước dài hạn		-	-
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		348.912.914.313	201.559.382.368

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011

Đơn vị tính: VND

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	31-12-11	01-01-11
300	A. NỢ PHẢI TRẢ		258.544.947.723	146.088.098.511
310	I. Nợ ngắn hạn		257.439.248.730	136.744.455.821
311	1. Vay và nợ ngắn hạn	10	29.992.604.091	39.385.956.018
312	2. Phải trả người bán		199.755.602.454	69.067.600.068
313	3. Người mua trả tiền trước		342.252.736	3.691.458.732
314	4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	11	5.426.067.305	2.541.532.965
315	5. Phải trả người lao động		3.537.726.058	4.865.119.718
316	6. Chi phí phải trả	12	2.282.781.891	460.069.533
317	7. Phải trả nội bộ		-	-
318	8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng		-	-
319	9. Các khoản phải trả, phải nộp khác	13	6.833.992.365	16.079.628.881
320	10. Dự phòng phải trả ngắn hạn		8.077.434.946	-
323	11. Quỹ khen thưởng phúc lợi		1.190.786.884	653.089.906
327	12. Giao dịch mua bán lại Trái phiếu CP		-	-
330	II. Nợ dài hạn		1.105.698.993	9.343.642.690
331	1. Phải trả dài hạn người bán		-	-
332	2. Phải trả dài hạn nội bộ		-	-
333	3. Phải trả dài hạn khác		-	-
334	4. Vay và nợ dài hạn	14	926.625.000	9.281.125.000
335	5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả		-	-
336	6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm		179.073.993	62.517.690
337	7. Dự phòng phải trả dài hạn		-	-
338	8. Doanh thu chưa thực hiện		-	-
339	9. Quỹ phát triển khoa học công nghệ		-	-
400	B. VỐN CHỦ SỞ HỮU		90.367.966.590	55.471.283.857
410	I. Vốn chủ sở hữu	15	90.367.966.590	55.471.283.857
411	1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu		60.000.000.000	41.000.000.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		4.822.978.000	187.494.500
413	3. Vốn khác của chủ sở hữu		-	-
414	4. Cổ phiếu quỹ (*)		-	-
415	5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản		-	-
416	6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái		-	-
417	7. Quỹ đầu tư phát triển		2.473.170.485	1.229.166.528
418	8. Quỹ dự phòng tài chính		1.236.585.241	614.583.263
419	9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu		-	-
420	10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		21.835.232.864	12.440.039.566
421	11. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản		-	-
422	12. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp		-	-
430	II. Nguồn kinh phí và quỹ khác		-	-
432	1. Nguồn kinh phí		-	-
433	2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ		-	-
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		348.912.914.313	201.559.382.368

CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011

Mã số	Chỉ tiêu	Thuyết minh	31-12-11	01-01-11
1.	Tài sản thuê ngoài			
2.	Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công			
3.	Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược			
4.	Nợ khó đòi đã xử lý			
5.	Ngoại tệ các loại			
6.	Dự toán chi sự nghiệp, dự án			

Người lập

Kế toán trưởng

Hà Nội, ngày 20 tháng 02 năm 2012

Giám đốc

Đào Lan Tuyết

Hà Thị Huê

Nguyễn Quốc Đồng

BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH

Năm 2011

Đơn vị tính: VND

Mã số	Chỉ tiêu	Thuyết minh	Năm 2011	Năm 2010
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	16	977.735.945.664	443.579.010.292
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu		-	-
10	3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	17	977.735.945.664	443.579.010.292
11	4. Giá vốn hàng bán	18	921.533.842.491	415.892.541.762
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		56.202.103.173	27.686.468.530
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	19	2.141.757.763	7.269.359.752
22	7. Chi phí tài chính	20	23.103.115.775	14.205.610.030
23	- Trong đó: Chi phí lãi vay		7.873.362.070	5.222.240.570
24	8. Chi phí bán hàng		-	-
25	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp		10.219.745.955	6.327.883.627
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		25.020.999.206	14.422.334.625
31	11. Thu nhập khác		-	27.466.593
32	12. Chi phí khác		154.606.417	68.010.812
40	13. Lợi nhuận khác		(154.606.417)	(40.544.219)
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		24.866.392.789	14.381.790.406
51	15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	21	4.783.191.578	1.941.750.840
52	16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại		-	-
60	17. Lợi nhuận sau thuế TNDN		<u>20.083.201.211</u>	<u>12.440.039.566</u>
70	18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu (*)		3.963	4.234

Hà Nội, ngày 20 tháng 02 năm 2012

Người lập

Kế toán trưởng

Giám đốc

Đào Lan Tuyết

Hà Thị Huê

Nguyễn Quốc Đồng

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp trực tiếp)
Năm 2011

Đơn vị tính: VND

Mã số	Chỉ tiêu	Năm 2011	Năm 201
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
01	1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	534.671.578.013	268.418.832.296
02	2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	(484.294.882.292)	(256.134.218.964)
03	3. Tiền chi trả cho người lao động	(31.587.462.989)	(21.189.251.058)
04	4. Tiền chi trả lãi vay	(7.873.362.070)	(6.767.382.866)
05	5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	(1.093.369.689)	(1.315.159.343)
06	6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	13.254.045.540	29.714.742.794
07	7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	(28.600.456.840)	(18.729.928.722)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	(5.523.910.327)	(6.002.365.863)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	(806.620.366)	(8.504.570.680)
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		14.866.667
23	3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	-	
24	4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	-	
25	5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		(4.467.000.000)
26	6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		4.467.000.000
27	7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	1.251.757.763	2.097.789.752
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	445.137.397	(6.391.914.261)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
31	1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	23.635.483.500	8.500.000.000
32	2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành		
33	3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	113.493.395.228	115.874.981.697
34	4. Tiền chi trả nợ gốc vay	(131.241.247.155)	(96.875.325.718)
35	5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính		
36	6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	(8.200.000.000)	
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	(2.312.368.427)	27.499.655.979
50	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	(7.391.141.357)	15.105.375.855
60	Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	19.883.533.823	4.778.157.968
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		
70	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	12.492.392.466	19.883.533.823

Hà Nội, ngày 20 tháng 02 năm 2012

Người lập

Kế toán trưởng

Giám đốc

Đào Lan Tuyết

Hà Thị Huê

Nguyễn Quốc Đồng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2011

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG DOANH NGHIỆP

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Licogi 16.6 được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103017362 do Sở kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp ngày 18 tháng 05 năm 2007, trong quá trình hoạt động Công ty đã thay đổi 7 lần đăng ký kinh doanh, lần thứ bảy là Giấy chứng nhận đăng ký Doanh nghiệp Công ty Cổ phần với Mã số doanh nghiệp 0102264629 ngày 19/07/2011.

Theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 0102264629 ngày 19/07/2011 do Sở kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp, vốn điều lệ của Công ty là 60.000.000.000đ (Sáu mươi tỷ đồng).

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Tầng 4 - Tòa nhà 34 – Ngõ 164 đường Khuất Duy Tiến –quận Thanh Xuân – thành phố Hà Nội

Điện thoại: 042.250.718

Fax: 042.250.716

Lĩnh vực kinh doanh và ngành nghề kinh doanh

Theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 0102264629 ngày 19/07/2011 (thay đổi lần thứ bảy) lĩnh vực kinh doanh của Công ty là:

Đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu đô thị và kinh doanh bất động sản: Kinh doanh điện, nước, khí nén; vận tải hàng hoá; vận tải khách du lịch; vận tải khách theo hợp đồng; vận tải khách bằng xe buýt; vận tải khách bằng taxi; vận tải khách theo tuyến cố định. Kinh doanh vận tải bằng ô tô các loại hình sau: Dịch vụ bảo dưỡng ô tô và phụ tùng ô tô, Kinh doanh ô tô và phụ tùng ô tô. Đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu công nghiệp, các dự án thủy điện vừa và nhỏ (Trừ kinh doanh bất động sản). Các hoạt động dịch vụ: Cho thuê thiết bị, cung cấp vật tư kỹ thuật, tư vấn đầu tư (Không bao gồm tư vấn pháp luật, tài chính), dịch vụ sửa chữa, lắp đặt máy móc thiết bị các sản phẩm cơ khí và kết cấu địa hình khác. Sản xuất kinh doanh vật tư, thiết bị, phụ tùng và các loại vật liệu xây dựng. Gia công chế tạo kết cấu thép và các sản phẩm cơ khí. Thi công xây dựng các công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi, thủy điện, sân bay, bến cảng, các công trình điện, thông tin liên lạc, các công trình cấp thoát nước và vệ sinh môi trường, các công trình phòng cháy, chữa cháy, thiết bị bảo vệ, các công trình thông gió cấp nhiệt, điều hoà không khí, các công trình hạ tầng kỹ thuật đô thị và khu công nghiệp, nền móng công trình.

2. CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009 của Bộ Tài chính.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

Hình thức kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức kế toán Nhật ký chung.

Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền

Các nghiệp vụ kinh tế phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ. Tại thời điểm cuối năm các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá bình quân liên ngân hàng do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam công bố vào ngày kết thúc niên độ kế toán.

Các khoản đầu tư ngắn hạn không quá 3 tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành tiền và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm báo cáo.

Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị sản xuất kinh doanh dở dang được xác định theo phương pháp tỉ lệ chi phí.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của chúng.

Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao TSCĐ của Công ty được thực hiện theo phương pháp khấu hao đường thẳng theo quy định tại Thông tư số 203/2009/QĐ - BTC ngày 20/10/2009 của Bộ Tài chính ban hành chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao TSCĐ.

Nguyên tắc ghi nhận và vốn hoá các khoản chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”.

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá), bao gồm các khoản lãi tiền vay, phân bổ các khoản chiết khấu hoặc phụ trội khi phát hành trái phiếu, các khoản chi phí phụ phát sinh liên quan tới quá trình làm thủ tục vay.

Nguyên tắc ghi nhận và phân bổ chi phí trả trước

Các chi phí trả trước chỉ liên quan đến chi phí sản xuất kinh doanh năm tài chính hiện tại được ghi nhận là chi phí trả trước ngắn hạn và được tính vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm tài chính

Các chi phí sau đây đã phát sinh trong năm tài chính nhưng được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong nhiều năm:

- Công cụ dụng cụ xuất dùng có giá trị lớn;

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ hạch toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn/ hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ.

Vốn khác của chủ sở hữu được ghi theo giá trị còn lại giữa giá trị hợp lý của các tài sản mà doanh nghiệp được các tổ chức, cá nhân khác tặng, biếu sau khi trừ (-) các khoản thuế phải nộp (nếu có) liên quan đến các tài sản được tặng, biếu này; và khoản bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh

Cổ phiếu quỹ là cổ phiếu do Công ty phát hành và sau đó mua lại. Cổ phiếu quỹ được ghi nhận theo giá trị thực tế và trình bày trên Bảng Cân đối kế toán là một khoản ghi giảm vốn chủ sở hữu.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trong Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:
Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;

- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó
- Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;

- Chi phí cho vay và đi vay vốn;
- Các khoản lỗ do thay đổi tỷ giá hối đoái của các nghiệp vụ phát sinh liên quan đến ngoại tệ;
- Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán.

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế TNDN.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các Quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Theo qui định tại Thông tư số 154/2011/TT-BTC ngày 11 tháng 11 năm 2011 của Bộ Tài chính Hướng dẫn Nghị định số 101/2011/NĐ-CP ngày 4/11/2011 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Nghị quyết số 08/2011/QH13 của Quốc hội về ban hành bổ sung một số giải pháp về thuế nhằm tháo gỡ khó khăn cho doanh nghiệp và cá nhân thì thu nhập từ hoạt động xây dựng của Công ty thuộc diện được miễn giảm 30% thuế thu nhập doanh nghiệp của năm 2011.

3 . TIỀN

	31-12-11	01-01-11
	VND	VND
Tiền mặt	781.052.317	398.395.433
Tiền gửi ngân hàng	8.711.340.149	7.485.138.390
Các khoản tương đương tiền	3.000.000.000	12.000.000.000
Cộng	12.492.392.466	19.883.533.823

4 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN

	31-12-11	01-01-11
	VND	VND
Chứng khoán đầu tư ngắn hạn (*) (1)	23.620.978.356	23.620.978.356
Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	(17.799.593.556)	(7.773.863.856)
Cộng	5.821.384.800	15.847.114.500

(*) Cổ phiếu Công ty Cổ phần Licogi 16	Số lượng	Giá tại 31/12/2011	Giá trị TT tại 31/12/2011 (2)	Giá trị dự phòng ((1)-(2))
(Mã cổ phiếu LCG)	693.022	8.400	5.821.384.800	17.799.593.556

5 . CÁC KHOẢN PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

	31-12-11	01-01-11
	VND	VND
Phải thu về cổ tức và lợi nhuận được chia	890.000.000	-
Phải thu khác	604.000.000	606.200.000
Cộng	1.494.000.000	606.200.000

6 . HÀNG TỒN KHO

	31-12-11	01-01-11
	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	3.091.643.189	2.529.315.815
Công cụ, dụng cụ	767.299.732	292.323.222
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	91.908.449.448	35.415.766.845
Hàng hóa	-	568.428.064
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	-	-
Cộng giá gốc của hàng tồn kho	95.767.392.369	38.805.833.946

7 . TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

Đơn vị tính: VND

	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	TBDCQL và TSCĐ khác	Cộng
Nguyên giá					
Số dư tại đầu năm	8.554.256.647	37.377.174.982	6.543.865.976	428.956.157	52.904.253.762
Số tăng trong năm	-	637.927.688	-	95.363.636	733.291.324
- Mua trong năm	-	637.927.688	-	95.363.636	733.291.324
Số giảm trong năm	-	-	-	-	-
Số dư tại cuối năm	8.554.256.647	38.015.102.670	6.543.865.976	524.319.793	53.637.545.086
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư tại đầu năm	428.804.551	11.387.845.562	2.515.199.482	268.057.678	14.599.907.273
Số tăng trong năm	214.402.273	10.462.302.622	1.134.028.759	119.001.713	11.929.735.367
- Khấu hao trong năm	214.402.273	10.462.302.622	1.134.028.759	119.001.713	11.929.735.367
Số giảm trong năm	-	-	-	-	-
Số dư tại cuối năm	643.206.824	21.850.148.184	3.649.228.241	387.059.391	26.529.642.640
Giá trị còn lại					
Tại ngày đầu năm	8.125.452.096	25.989.329.420	4.028.666.494	160.898.479	38.304.346.489
Tại ngày cuối năm	7.911.049.823	16.164.954.486	2.894.637.735	137.260.402	27.107.902.446

8 . CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	<u>31-12-11</u>	<u>01-01-11</u>
	VND	VND
Xây dựng cơ bản dở dang	1.035.213.000	1.035.213.000
- Nhà văn phòng ở Nhơn Trạch - Đồng Nai	<i>1.035.213.000</i>	<i>1.035.213.000</i>
Cộng	1.035.213.000	1.035.213.000

9 . ĐẦU TƯ DÀI HẠN KHÁC

	<u>31-12-11</u>	<u>01-01-11</u>
	VND	VND
Công ty Cổ phần Sông Đà Cao Cường	8.900.000.000	8.900.000.000
Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn (*)	(4.272.000.000)	
Cộng	4.628.000.000	8.900.000.000
(*) Cổ phiếu Công ty Cổ phần Sông Đà Cao Cường (Mã cổ phiếu SCL)	Số lượng 890.000	Giá tại 31/12/2011 5.200
	Giá trị TT tại 31/12/2011 (2) 4.628.000.000	Giá trị dự phòng ((1)-(2)) 4.272.000.000

10 . VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN

	<u>31-12-11</u>	<u>01-01-11</u>
	VND	VND
Vay ngắn hạn	26.955.104.091	39.385.956.018
- Vay ngân hàng BIDV - Chi nhánh Hà Nội	<i>26.955.104.091</i>	<i>39.385.956.018</i>
Nợ dài hạn đến hạn trả	3.037.500.000	-
- Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Thanh Xuân	<i>1.478.000.000</i>	
- Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Hà Nội	<i>1.559.500.000</i>	
Cộng	29.992.604.091	39.385.956.018

11 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	<u>31-12-11</u>	<u>01-01-11</u>
	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng	-	1.037.600.727
Thuế thu nhập doanh nghiệp	5.058.667.140	1.368.845.251
Thuế thu nhập cá nhân	367.400.165	135.086.987
Cộng	5.426.067.305	2.541.532.965

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

12 . CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	<u>31-12-11</u>	<u>01-01-11</u>
	VND	VND
Trích trước chi phí thương hiệu phải trả	1.017.346.918	176.523.981
Chi phí phải trả khác	1.265.434.973	283.545.552
Cộng	2.282.781.891	460.069.533

13 . CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỘP NGẮN HẠN KHÁC

	<u>31-12-11</u>	<u>01-01-11</u>
	VND	VND
Kinh phí công đoàn	488.238.240	275.609.335
Bảo hiểm xã hội, y tế	279.163.157	306.664.829
Các khoản phải trả, phải nộp khác	6.066.590.968	15.497.354.717
Cộng	6.833.992.365	16.079.628.881

14 . VAY DÀI HẠN VÀ NỢ DÀI HẠN

	31-12-11	01-01-11
	VND	VND
Vay dài hạn	926.625.000	9.281.125.000
- Vay Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Thanh Xuân	252.000.000	3.488.000.000
- Vay Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Hà Nội	674.625.000	5.445.625.000
- Vay Ngân hàng VPBank	-	347.500.000
Cộng	926.625.000	9.281.125.000

15 . VỐN CHỦ SỞ HỮU

a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

Đơn vị tính: VND

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối
Số dư tại 01/01/2010	25.000.000.000	650.937.099	325.468.549	3.287.500.000		5.881.465.500
Tăng vốn trong năm trước	16.000.000.000					12.440.039.566
Lãi trong năm trước						(1.381.465.500)
Phân phối các quỹ		578.229.429	289.114.714			(4.500.000.000)
Chi cổ tức bằng cổ phiếu						
Chi cổ phiếu thưởng				(3.000.000.000)		
Chi phí phát hành tăng vốn				(100.005.500)		
Giảm khác (*)						
Số dư tại 31/12/2010	41.000.000.000	1.229.166.528	614.583.263	187.494.500	-	12.440.039.566
Tăng vốn trong năm nay	19.000.000.000	-	-	4.750.000.000		-
Lãi trong năm nay						20.083.201.211
Phân phối các quỹ		1.244.003.957	622.001.978			(2.488.007.913)
Chi cổ tức bằng cổ phiếu						
Chi trả cổ tức	-		-	-		(8.200.000.000)
Chi phí phát hành tăng vốn				(114.516.500)		
Giảm khác (*)						
Số dư tại 31/12/2011	60.000.000.000	2.473.170.485	1.236.585.241	4.822.978.000	-	21.835.232.864

b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	31-12-11	%	01-01-11	%
Công ty Cổ phần Licogi 16	33.989.530.000	56,65%	15.000.000.000	36,59%
Vốn góp của các đối tượng khác	26.010.470.000	43,35%	26.000.000.000	63,41%
Cộng	60.000.000.000		41.000.000.000	

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu

	Năm 2011	Năm 2010
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
- Vốn góp đầu năm	41.000.000.000	25.000.000.000
- Vốn góp tăng trong năm	19.000.000.000	16.000.000.000
- Vốn góp giảm trong năm	-	-
- Vốn góp cuối năm	60.000.000.000	41.000.000.000

d) Cổ phiếu

	31-12-11	01-01-11
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	8.000.000	4.100.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	6.000.000	4.100.000
- Cổ phiếu phổ thông	6.000.000	4.100.000
- Cổ phiếu ưu đãi		
Số lượng cổ phiếu được mua lại	6.000.000	4.100.000
- Cổ phiếu phổ thông	6.000.000	4.100.000
- Cổ phiếu ưu đãi		
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	6.000.000	4.100.000
- Cổ phiếu phổ thông	6.000.000	4.100.000
- Cổ phiếu ưu đãi		

* Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành(đồng/CP) 10.000 đồng

e) Các quỹ của công ty

	31-12-11	01-01-11
- Quỹ đầu tư phát triển	2.473.170.485	1.229.166.528
- Quỹ dự phòng tài chính	1.236.585.241	614.583.263

16 . TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm 2011	Năm 2010
	VND	VND
Doanh thu hợp đồng xây dựng	820.663.701.661	337.970.902.788
Doanh thu bán hàng hóa (tro bay+gạch nhẹ)	145.807.232.067	93.691.804.918
Doanh thu cung cấp dịch vụ	11.265.011.936	11.916.302.586
Cộng	977.735.945.664	443.579.010.292

17 . DOANH THU THUẦN VỀ BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm 2011	Năm 2010
	VND	VND
Doanh thu thuần hợp đồng xây dựng	820.663.701.661	337.970.902.788
Doanh thu thuần bán hàng hóa (tro bay+gạch nhẹ)	145.807.232.067	93.691.804.918
Doanh thu thuần cung cấp dịch vụ	11.265.011.936	11.916.302.586
Cộng	977.735.945.664	443.579.010.292

18 . GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm 2011	Năm 2010
	VND	VND
Giá vốn hợp đồng xây dựng	771.401.681.576	316.479.539.656
Giá vốn bán hàng hóa (tro bay+gạch nhẹ)	141.801.659.271	90.348.793.197
Giá vốn cung cấp dịch vụ	8.330.501.644	9.064.208.909
Cộng	921.533.842.491	415.892.541.762

19 . DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm 2011	Năm 2010
	VND	VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	327.722.763	164.029.502
Cổ tức, lợi nhuận được chia	1.814.035.000	598.760.250
Doanh thu hoạt động tài chính khác		6.506.570.000
Cộng	2.141.757.763	7.269.359.752

20 . CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm 2011	Năm 2010
	VND	VND
Lãi tiền vay	7.873.362.070	5.222.240.570
Chi phí bán chứng khoán		-
Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư	14.297.729.700	7.773.863.856
Chi phí tài chính khác (Phí hỗ trợ vốn đầu tư chứng khoán)	932.024.005	1.209.505.604
Cộng	23.103.115.775	14.205.610.030

21 . CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm 2011	Năm 2010
	VND	VND
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành (*)	4.378.357.810	1.941.750.840
Điều chỉnh chi phí thuế TNDN của các năm trước vào chi phí thuế TNDN hiện hành năm nay (**)	404.833.768	
Cộng	4.783.191.578	1.941.750.840

(*) Chi tiết chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp năm hiện hành

Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	24.866.392.789
Các khoản điều chỉnh tăng	232.606.417
- Phạt nộp chậm thuế	154.606.417
- Thủ lao hội đồng quản trị không trực tiếp điều hành	78.000.000
Các khoản điều chỉnh giảm	1.814.035.000
- Cổ tức được chia	1.814.035.000
Tổng thu nhập tính thuế	23.284.964.206
- Thu nhập không được hưởng ưu đãi	4.046.520.988
- Thu nhập được hưởng ưu đãi theo TT154/2011/TT-BTC ngày 11/11/2011	19.238.443.218
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp năm hiện hành	4.378.357.810
- Đối với hoạt động không được hưởng ưu đãi	1.011.630.247
- Đối với hoạt động được hưởng ưu đãi	3.366.727.563

() Thuế thu nhập doanh nghiệp truy thu theo Biên bản kiểm tra quyết toán thuế giai đoạn 2007-2010**

22 . NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Số liệu so sánh

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Tư vấn Kế toán và Kiểm toán Việt Nam (AVA).

2. Thông tin về các bên liên quan

Trong quá trình hoạt động kinh doanh, Công ty phát sinh các nghiệp vụ với các bên liên quan. Các nghiệp vụ chủ yếu như sau:

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Số tiền
Công ty Cổ phần LICOGI 16	Cổ đông sáng lập	Bán sản phẩm xây lắp	893.225.569.402
Công ty Cổ phần Sông Đà Cao Cường	Công ty nhận vốn góp	Mua tro bay	61.932.134.608

Cho đến ngày lập báo cáo tài chính, số dư công nợ với các bên liên quan như sau:

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Giá trị phải thu(+)/Phải trả (-)
<i>Công ty Cổ phần LICOGI 16</i>	<i>Cổ đông sáng lập</i>	<i>Bán sản phẩm xây lắp</i>	<i>144.682.778.881</i>
<i>Công ty Cổ phần Sông Đà Cao Cường</i>	<i>Công ty nhận vốn góp</i>	<i>Mua tro bay</i>	<i>15.433.548.580</i>

Người lập

Kế toán trưởng

Hà Nội, ngày 20 tháng 02 năm 2012
Giám đốc

Đào Lan Tuyết

Hà Thị Huê

Nguyễn Quốc Đồng